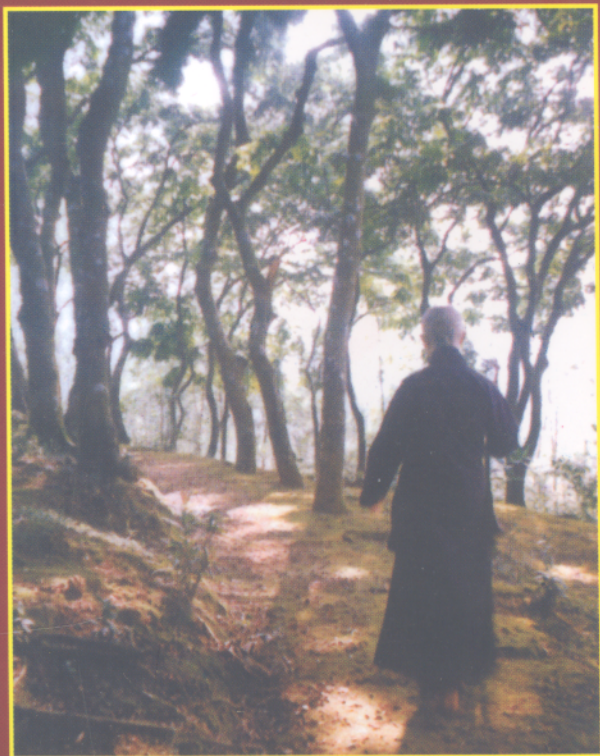


HUỆ NĂNG ĐẠI SƯ

LỤC TỔ ĐÀN KINH

THIỆU CHỮU (Biên dịch)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

LỤC TỔ ĐÀN KINH

HUỆ NĂNG ĐẠI SƯ

LỤC TỔ ĐÀN KINH

Biên dịch: THIỀU CHỮU

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

LỤC TỔ ĐÀN KINH

***Biên dịch:* THIỀU CHỮU**

***Người thực hiện :* TRẦN VIỆT QUANG
NGUYỄN ĐẠI ĐỒNG**

Thay lời tựa

PHÁT NGUYỆN QUY Y

May mắn thay cho các đệ tử Phật ! Vẻ vang thay cho các đệ tử Phật! Đã được một cái hân hạnh tuyệt đối là được quy y một ông thầy : Đại Từ, Đại Bi, Đại Giác, Đại Trí là đức Thích Ca Mâu Ni. Khi Ngài thị hiện xuống đời biết bao sự thực phục vụ cho nhân gian, nâng đỡ hạng người bị áp chế, xô đổ bọn chuyên chính bóc lột để giải phóng cho tất cả loài người, để giải quyết hết tất cả các vấn đề nan giải. Ngài như một vầng thái dương chói lọi ở giữa trời không, cho muôn đời cùng soi. Đến lúc Ngài thị tịch lại lưu lại cho các đồ đệ, đồ tôn vô cùng vô tận về sau, một kho của báu, quý vô giá nhiều vô lượng, khiến cho cháu chắt chút chút nghìn muôn ức triệu tương lai cứ trong kho đó mà lựa lấy một pháp bảo cho đúng thời đúng cơ dùng ra thì linh nghiệm thần diệu ngay. Ai đã có chút học thức cũng thấy rõ ràng : Đến thế kỷ XX này thì tất cả các tôn giáo đều hết sạch. Vì thế kỷ XX là thời kỳ nhân loại đã tiến hoá đến giai đoạn khoa học sương minh đã biết rõ và đã thực hành được cái ý định Người là trời, Người có đủ tài trí chiến thắng tất cả giới tự nhiên, để tự mưu lấy hạnh phúc mỹ mãn, chứ không phải van xin ai, mà thực tế có ai là ban cái hạnh phúc cho mình được ? Các tôn giáo tùy theo trình độ dân trí còn non nớt, đã không tự mưu được hạnh phúc lại gây nên tội ác tương tàn, cho nên phải đem thuyết Thiên

đường, Địa ngục mà đe dọa cho biết trừ các nhân xấu, tạo các nhân tốt. Ngày nay quả đã kết rồi, nhân loại đã qua giai đoạn ý lại mà tiến đến chỗ tự quyết, tự lập rồi. Lẽ tự nhiên là các phép phương tiện trước bỏ đi, lẽ tự nhiên là tôn giáo phải xoá nhoà theo thời gian diễn tiến.

Phật giáo cũng vậy mà Phật giáo không bị vào trong cái luật đào thải, hẳn là vì Phật giáo từ nguyên thủy đã đặt móng lên trên nền tảng ***"TUY DUYÊN BẮT BIẾN, BẮT BIẾN TUY DUYÊN"*** lấy từ bi làm Thể mà lấy phương tiện làm Dụng. Thời nào kim cương ấy, cứ đến đó tự nhiên mà diễn biến đi. Nào Tiểu thừa, nào Đại thừa, cho đến Ngũ thừa Giáo pháp, nào Câu Xá tông, nào Thành Thực tông, cho đến Luật tông, Tịnh Độ tông, vân vân... mà Thiên tông là cái máy phát động để chạy cái bộ máy ***"PHƯƠNG TIỆN TUY DUYÊN"***. Lúc nhân loại còn cần tôn giáo hoá, thì Phật giáo có tổ chức tôn giáo cũng đàn tràng, cũng cúng kính như các giáo khác nhưng bề trong của nó vẫn không ra ngoài cái ý chỉ ***"TUY DUYÊN TIỆN DỤNG"***. Lúc nhân loại tiến đến mặt suy cầu triết lý thì Phật giáo cũng có ngay các tông chuyên bàn về triết lý mà hàm có hệ thống khoa học, như Thiên Thai tông, Hoa Nghiêm tông vân vân...

Đọc Đàn kinh phải chú ý đặc biệt ở những điểm nào ?

I. PHẨM BÁT NHÃ

Phẩm này là mệnh mạch của cả toàn bộ Phật giáo, hành giả phải đặc biệt chú ý. Nhất là bài kệ căn phải đem làm kinh nhật tụng mà thiết thực tu hành, kỳ cho đến mức sinh hoạt hoá.

Trong phẩm Bát Nhã có những đặc biệt sau đây :

Chỉ rõ pháp thân thường trụ (câu 1 và 2);

1) Chỉ rõ ứng thân hành hoá (câu 3, 4 và 5);

Tự tu quán chiếu (câu 6, 7 và 8);

Chỉ nơi chí thiện (câu 9);

Chỉ rõ lẽ Phật tức Tâm (câu 10, 11 và 12);

Chỉ công phu tự tu khẩn yếu (câu 13, câu này có công hiệu bất khả tư nghị);

Mở rộng lối tu, phá tan thành kiến công kích các học thuyết khác (câu 14, 15 và 16);

Phân biệt tà chính (câu 17, 18, 19, 20, 21 và 22);

Chỉ phương thần diệu thẳng tới Bồ đề (câu 23);

Chỉ phương giáo hoá (câu 24 và 25);

Chỉ rõ giá trị Phật pháp (câu 26 và 27);

Rõ lẽ Bồ đề (câu 28 và 29).

II. PHẨM NGHI VẤN

Đặc biệt phát huy cái nghĩa công đức với phúc đức khác nhau. Phá tan được chỗ hiểu lầm đã mấy ngàn năm nay, ai cũng cho những sự làm chùa, tô tượng, đúc chuông và công nghiệp từ thiện là công đức. Vì sự hiểu lầm đó nên đã làm bao nhiêu đệ tử Phật tu sai chính pháp, mà Phật pháp trở nên một đạo thấp hẹp quá rồi đến suy tàn, không cùng các đà tiến hoá cùng tiến được.

Đoạn nói Tịnh Độ rất đúng, chỉ có văn tự sai dăm ba chữ là lỗi ở người sao chép, chứ chân lý thì rất đúng với Phật pháp thuần túy, các người xưa kia nhất là người theo tông Tịnh Độ thấy có ý phê bình tông mình một cách nghiêm khắc, mới thêu dệt ra nhiều câu phản đối quá đáng, vì thế mà Đàn kinh bị mất ảnh hưởng cho nhân gian Phật giáo. Thật đáng tiếc thay !

III. PHẨM ĐỊNH TUỆ

Đã có những sách giải nghĩa Ngũ phạm hương rồi, nhưng đều thiên về một mặt, chỉ có phẩm này ta giảng được đều đúng nhất, nhất là đoạn “giải thoát tri kiến” thì thật là tuyệt diệu. Có học như thế, có tu như thế thì mới hòng giải thoát được thật.

VI. PHẨM TỌA THIÊN

Sửa chữa được hết chỗ sai lầm của nhà tu thiên. Cái nghĩa chữ Định như Tổ nói mới là đúng sự thực tế. Ông Vương Dương Minh nói cái cảnh động tĩnh vô gián đúng như lời Tổ dạy. Có định như thế mới có thực dụng, trái lại thì chỉ là ngồi cho mòn ghế vô ích.

V. PHẨM CƠ DUYÊN

Phát huy kinh Pháp Hoa rất mau nhiệm, mà chỗ mệnh mạch là mình phải chuyển Pháp Hoa, đừng để Pháp Hoa chuyển mình. Ta đọc kinh nhiều mà không thụ dụng được, căn bản là ở chỗ đó. Kinh như ngón tay chỉ biết mặt trăng, nếu không nhìn trăng chỉ nhìn ngón tay còn thấy cái gì. Câu thí dụ của Phật thực có cái nghĩa tuyệt mầu, tiếc thay người đọc ít ai hiểu được. Nay nhờ Tổ nói toạc hết thâm ý ấy ra, nếu ta còn mê thì là lỗi ở ta, đâu phải tại kinh.

Đoạn đàm đạo với Ngài Vĩnh Gia, nhờ chỗ Tổ chịu hạ mình xuống, cạn hết ngọn nguồn, mới thấy rõ cái lẽ “phân biệt chẳng phải là tại ý” là cái lý cao diệu nhất, ở trong pháp tướng, đến đó là chuyển được ý thức thành diệu quan sát trí. Có người dám phê bình là chỗ này Tổ chứng kém Ngài Vĩnh Gia, đó là phạm tội vọng ngữ vì Tổ chứng tới chỗ “Ứng vô sở trụ, nhi sinh kỳ tâm” rồi kia mà, làm gì còn bị ý thức chướng ngại nữa.

VI. PHẨM ĐỐN TIỆM

Pháp làm gì có đốn tiệm, chỉ vì mê với ngộ mà thấy có. Sự thật thì tông Pháp tướng đã vạch rõ từ phạm phu đến Phật, nhất định là

phải trải qua 52 ngôi, tiến dần dần, rồi mới tới. Người nào hiện tại sớm ngộ, là do người ấy đã trải nhiều kiếp tu rồi, đã qua nhiều từng vị rồi, chứ có phải là từ phàm phu như phàm phu đâu mà ta vọng phân đốn tiệm được. Còn như là phàm phu thật, học mãi chẳng hiểu một câu thì cứ bám chặt lấy môn tu Tiệm mà tiến đến không nản, tự khắc thấy Đốn, đừng hiểu lầm Đốn mà sinh lòng chán nản, mất hẳn tương lai của mình.

Trong phẩm này đáng chú ý nhất là cái tình chân chí của Ngài Thần Tú đối với Ngài Lục Tổ. Ngài Thần Tú tự biết mình là kém cho đệ tử sang xem Ngài Lục Tổ, đó là cái gương rất quý báu cho kẻ tu Đạo vậy.

VII. PHẨM HỘ PHÁP

Một tấm gương tầy liếp cho người tu, từ tâm giáo hóa mà không bỏn lòng danh lợi, đến Tổ thực là cao siêu mà vẫn sát thực tế đáng làm gương cho muôn thuở. Ai đã là đệ tử Phật còn thích danh lợi nên ngày đêm đọc tụng phẩm này mà tìm lỗi ngoi ra.

VIII. PHẨM PHÓ CHÚC

Đáng chú ý nhất là cử chỉ của Ngài Thần Hội. Cứ đó mà suy sẽ biết thế nào là Đạo. Bao nhiêu đệ tử đạo cao đức trọng, mà trong lúc biệt ly, trò đời giả dối vẫn còn phạm lỗi trần tình, chỉ có một Ngài Thần Hội là bất động. Thế mới biết tu đạo, thấy đạo là khó. Lúc thường thì ai cũng nói giỏi, lúc biến đã thay hết mặt thực, đó là chỗ chìm đắm của trần ai đó ? Phải chăng ?

Thiền Sư

PHÁP BẢO ĐÀN KINH

(Lục Tổ Đại sư giảng)

I. NGUYÊN DO TU HÀNH

Khi Đại sư¹ tới chùa Bảo Lâm², quan Thứ sử Thiệu Châu là Vi Cứ cùng các quan vào núi thỉnh Đại sư ra giảng đường chùa Đại Phạm³ ở trong thành đó khai tràng thuyết pháp cho chúng nghe. Đại sư lên toà ngồi, quan Thứ sử cùng các quan hơn 30 vị, đại nho học sĩ hơn 30 người, Tăng Ni, Đạo, Tục hơn 1.000 người cùng ra làm lễ, thỉnh Đại sư giảng cho nghe những phép tu cốt yếu.

Đại sư nói :

Các thiện trí thức ! Tự tính Bồ Đề nguyên lai thanh tịnh, chỉ dùng ngay cái tâm đó là thành Phật ngay.

Các thiện trí thức ! Hãy nghe ta nói nguyên do tu hành và sự đắc pháp của ta. Cha ta nguyên ở Phạm Dương⁴, làm quan bị cách đầy ra Lĩnh Nam⁵, làm một người dân ở Tân Châu. Ta không may

¹ Đại sư : Chỉ Đại sư Huệ Năng (638 - 713) Tổ thứ 6 Thiền tông Trung Quốc

² Chùa Bảo Lâm : Ở núi Nam Hoa, Phúc Giang, phủ Thiệu Châu, tỉnh Quảng Đông, do Tam Tạng Pháp sư Trí Dược dựng năm 502.

³ Chùa Đại Phạm ở trong thành Khúc Giang, phủ Thiệu Châu, tỉnh Quảng Đông, do Hoà thượng Tông Tích dựng năm 614.

⁴ Phạm Dương : Tên một quận thuộc tỉnh Hồ Bắc.

⁵ Lĩnh Nam : Tên chỉ chung các vùng đất Nam Trung Quốc ở về phía Nam núi Nghĩa Lĩnh.

mồ côi cha mẹ sớm, mẹ già con côi, rồi sang Nam Hải¹ nghèo nàn thiếu thốn, phải kiếm củi đem ra chợ bán. Khi đó có một người mua củi bảo gánh đến quán trọ. Ta lấy tiền rồi đi ra ngoài cửa, thấy một người khách tụng kinh. Ta nghe kinh tâm vỡ vạc ngay, mới hỏi khách tụng kinh gì ? Khách nói là kinh Kim Cương.

Kinh này lấy ở đâu ?

Thỉnh ở chùa Đông Thiên², huyện Hoàng Mai, thuộc Kỳ Châu.

Chùa ấy có Ngài Ngũ Tổ Hoàng Nhãn Đại sư chủ trì giáo hoá, đệ tử có hơn 1.000, ta đây thân đến chùa đó lễ bái và nghe giảng kinh này. Đại sư thường khuyên Tăng, Tục, cứ trì bộ Kim Cương này sẽ thấy tỏ bản tính và thành Phật ngay. Ta nghe nói, biết có duyên trước lại được người khách đưa giúp ta 10 lạng bạc để nuôi mẹ già và khuyên ta sang ngay Hoàng Mai mà xam lễ (tham yết) Ngài Ngũ Tổ. Ta thu xếp cho mẹ già yên chỗ rồi liền xin phép mẹ đi. Đường đi chưa quá 30 ngày đã tới Hoàng Mai vào lễ Ngũ Tổ.

Tổ hỏi :

- Anh người ở đâu? Muốn cầu cái gì?

Ta thưa :

- Con là một kẻ dân thường ở Tân Châu, xứ Lĩnh Nam, từ xa tới đây lễ Tổ chỉ cầu làm Phật chứ chẳng cầu cái gì cả.

Tổ nói :

¹ Nam Hải : nay thuộc trấn Phật Sơn, tỉnh Quảng Đông.

² Đông Thiên : tức chùa Liên Hoa ở núi Đông Sơn cách huyện lỵ Hoàng Mai (tỉnh Hồ Bắc) 1 dặm về phía Tây Nam, là nơi trụ trì của các Tổ thứ 4 (Đạo Tín), Tổ thứ 5 (Hoàng Nhãn). Sau này Lục Tổ Huệ Năng cũng đắc pháp được truyền y bát ở chùa này.

- Anh là người Mường¹ ở xứ Lĩnh Nam muốn làm Phật thế nào được !

Ta nói :

- Người thì có kẻ Nam với Bắc, cái thân Mường của con đây tuy có khác Hoà thượng thực, nhưng tính Phật có khác gì nhau ?

Ngũ Tổ muốn nói nữa nhưng thấy đồ chúng đứng đông cả đấy không tiện nói, mới bảo ta vào theo chúng làm việc.

Ta nói :

- Bạch Hoà thượng, chính tự tâm con thường lấy trí tuệ chẳng rời cái tự tính ấy, tức là phúc điền², chẳng hay Hoà thượng dạy làm việc gì ?

Tổ nói :

- Anh Mường này căn tính lanh lợi quá, vào ngay trong xưởng gao kia không được nói nữa.

Ta lui vào mái sau, có một người hành giả³ bảo ta bỏ củi và giã gạo, qua một kỳ hơn tám tháng trời.

Một hôm, Tổ bỗng vào chỗ ta làm bảo rằng :

- Ta xét các ý kiến của anh khá lắm, ta e có kẻ độc ác làm hại anh, nên ta không nói với anh nữa, anh có biết không ?

Ta nói :

¹ Nguyên văn: Dân Cát Lao, tên một dân tộc ít người ở phía Tây Nam Trung Quốc. Từ đời Đường trở đi thường dùng để chỉ người miền Lĩnh Nam.

² Phúc điền : Người tu Phúc cũng như người nông dân gieo hạt giống xuống mảnh ruộng tốt được báo đáp phúc tuệ.

³ Hành giả : Người ở chùa tu tập khổ hạnh nhưng chưa xuống tóc qui y.

- Con cũng hiểu ý thầy nên chẳng dám thò ra nhà ngoài, để cho người chẳng biết nữa.

Một hôm Tổ cho họp cả đồ chúng lại bảo rằng :

- Từ trước ta vẫn bảo các người sự sinh tử của người đời là một sự lớn, các anh suốt ngày chỉ cầu quả phúc, chẳng cầu cái đạo thoát qua bể khổ sinh tử, mê mất tự tính, phúc nào cứu được. Các anh hãy tản đi, ai nấy hãy tự nhận xét cái trí tuệ của mình, dùng ngay cái tính Bát nhã¹ của tâm mình làm một bài kệ đưa lên ta xem, nếu ai tỏ ngộ đại ý ta sẽ trao cho áo Pháp, làm Tổ thứ 6. Đi, đi ngay đi, làm ngay lập tức, không được trì trệ, còn phải nghĩ ngợi tức là sai rồi. Con người tỏ tính nghe qua là hiểu rồi, nếu được tính như thế, thì dù mưa gió ra trận cũng thấy tỏ được.

Chúng nghe Tổ phán lui ra mà bảo nhau rằng :

- Chúng ta hơi đầu mà nghĩ cái sự làm kệ đưa trình Hoà thượng, phỏng có ích gì. Thượng toạ Thần Tú, hiện làm giáo thụ, tất nhiên là Ngài được rồi, chúng ta còn làm chi cho uống công.

Mọi người nghe đoạn đều im cả và nói rồi đây chúng ta sẽ y chỉ vào Thần Tú² còn làm kệ làm gì cho thêm phiền. Thần Tú nghĩ rằng : "Mọi người không ai làm kệ là vì họ tin thấy giáo thụ, vậy là ta phải làm kệ đưa trình Hoà thượng. Nếu không trình kệ thì Hoà thượng làm sao biết được tâm ta, hiểu biết nông hay sâu. Ta làm kệ trình để cầu lấy Pháp là hay nếu để kiếm lấy ngôi Tổ tức là dở.

¹ Bát nhã : Tiếng Phạn là Prajna nghĩa là trí tuệ

² Thần Tú : Ngài họ Lý, người huyện Uy Thị, phủ Lạc Dương. Theo học Tổ Hoàng Nhãn, khi Ngũ Tổ viên tịch, ông về trụ trì chùa Dương Dương ở Giang Lăng. Về sau Thần Tú mở ra dòng Thiền Bắc phương. Thiền sư mất khoảng năm 705 - 707 niên hiệu Thần Long đời Đường Trung Tông.

Tranh lấy ngôi Tổ thì có khác gì lòng kẻ phàm phu, mà nếu không trình kệ thì thuy chung chẳng được chính pháp, thực là khó quá ! Khó quá !"

Trước nhà Ngũ Tổ ở có một hành lang ba gian, định nhờ quan Cung phụng là Lư Chân vẽ các biến tướng theo kinh Lăng già, và hệ thống truyền pháp của năm Tổ, để lưu truyền cúng dàng. Thần Tú làm xong bài kệ mấy lần định đem lên trình, cứ đi đến trước nhà thì tâm thần hoảng hốt, mồ hôi toát ra, trong bốn ngày trời định đem kệ trình đến 13 bận mà không trình được. Tú mới nghĩ rằng chi bằng ta cứ viết ngay ở bức vách hành lang hể Hoà thượng trông thấy mà khen là được, thì ta chạy ra lấy tạ nhận là của ta làm. Nếu chê ta là không đúng thì thật là uổng công ở trong núi này mấy năm hưởng thụ mọi người lễ bái là phỉ, còn tu đạo gì! Canh ba đêm ấy, lặng lẽ cầm đèn, viết một bài kệ ở vách phía Nam trình rõ chỗ Tâm mình hiểu rằng :

Thân mình là cây Bồ Đề¹,

Ý như đài gương sáng,

Phải lau quét luôn luôn,

Đừng để bụi trần bám.

Thần Tú viết xong lại trở về phòng, chẳng ai biết cả. Tú lại nghĩ rằng : "Ngày mai Ngũ Tổ thấy kệ mà hoan hỉ tức là có duyên với Pháp, nếu bảo là không đúng, là tự ta mê, nghiệp chướng trước nặng không đáng được Pháp. Ý thánh thật khó lường lắm !" Nghĩ

¹ Bồ Đề : tiếng Phạn là Pippala là loại cây cao, quả tròn, lá hình quả tim. Đức Thích Ca ngồi dưới gốc cây Pippala mà thành bậc Đẳng Chính Giác, vì thế gọi cây Pippala là cây Bồ Đề.

quanh nghĩ quần, nằm ngời chẳng yên, cho đến canh năm. Còn Tổ đã biết trước Thần Tú chưa vào trong đạo, chẳng thấy tỏ tự tính. Sáng hôm sau, Tổ cho mời Lu Cung phụng lại vẽ tranh ở vách hiên Nam, nhắc thấy bài kệ mới bảo Cung phụng rằng :

Thôi phiền ông đi xa vất vả, nay chẳng phải vẽ làm gì nữa, vì trong kinh đã nói : Tất cả các cái có hình tướng đều là hư vọng. Cứ để một bài kệ này có người trì tụng, y theo bài kệ này mà tu, cũng khỏi đoạ vào đường ác rồi, cũng có lợi ích lớn lắm rồi, đoạn bảo học trò thấp hương kính lễ và cứ tụng bài kệ đó, tức thì được tỏ tính cả.

Học trò tụng kệ đều khen là hay lắm. Canh ba, Tổ gọi Thần Tú vào hỏi rằng :

- Có phải anh làm bài kệ đó không ?

Tú thưa :

- Quả thực là con làm, chẳng dám vọng cầu ngời Tổ, chỉ mong

• Hoà thượng từ bi xem con có chút trí tuệ nào không thôi ?

Tổ nói :

- Anh làm bài kệ ấy chưa thấy tỏ bản tính, mới tới ngoài cửa đó thôi, chưa vào được trong nhà. Hiểu biết như thế mà muốn tìm đạo Bồ Đề vô thượng cần phải nói ra là đã nhận được bản tâm, thấy tỏ bản tính của mình, chẳng sinh chẳng diệt, lúc nào cũng là trung đạo, luôn luôn tự thấy vạn Pháp, không vướng mắc gì, đã thấy tỏ nhất tâm chân như thì hết thảy là chân cả. Muốn cảnh tự nhiên đúng như chân như hết. Cái tâm đúng như *chân như* tức là cái tâm chân thực. Nếu thấy được như thế, tức là cái tự tính của đạo Bồ Đề vô thượng vậy. Thôi, anh hãy ra nghỉ một vài hôm, làm một bài kệ nữa, ta lên ta xem, nếu vào được trong cửa Đạo, ta sẽ giao phó y bát cho.

Thần Tú lễ tạ lui ra, nghĩ hai, ba ngày, chẳng làm được kệ, trong lòng hoảng hốt, tinh thần chẳng yên, như trong giấc mộng, đi đứng buồn rầu. Sau hai hôm nữa, có một chú bé đi qua xưởng giã gạo ngâm bài kệ đó. Ta nghe qua biết ngay bài kệ đó chưa tỏ bản tính. Ta tuy chưa được nhờ ơn dạy bảo, nhưng đã rõ cái ý ấy lâu rồi, mới hỏi chú bé rằng :

- Chú tụng bài kệ của ai đấy ?

Chú bé nói :

- Ô sao anh Muồng thế, anh chưa biết à ? Đại sư bảo rằng : Cái sự sinh tử của người đời là sự rất lớn, Ngài muốn trao truyền y bát nên bảo các đệ tử mỗi người làm một bài kệ đưa lên cho ngài xem, nếu ai tỏ ngộ đại ý, thì trao y bát cho làm Tổ thứ sáu. Thượng toạ Thần Tú viết bài kệ vô tướng này ở vách hiên Nam, Đại sư bảo mọi người phải tụng, vì y theo bài kệ đó mà tu thì khỏi phải đoạ vào ác đạo, y theo bài kệ này mà tu, thì có lợi ích lớn.

Ta nói :

- Vâng, tôi cũng muốn tụng bài kệ đó để kết cái duyên sau này.

Chú ơi ! Tôi tới đây giã gạo đã hơn tám tháng trời rồi, chưa từng ra đến ngoài nhà, nhờ chú dẫn tôi đến chỗ đề kệ cho tôi lễ với.

Chú bé nhận lời dẫn ta tới chỗ đề kệ. Ta nói :

- Tôi không biết chữ, nhờ chú đọc lên cho tôi nghe với.

Lúc đó có quan Biệt giá Châu Giang lên là Trương Nhật Dụng, liền cất tiếng đọc to. Ta nghe đoạn nói :

- Tôi cũng có một bài kệ, xin nhờ Biệt giá viết cho.

Biệt giá nói :

- Anh cũng biết làm kệ kia à ? Thực là một sự hiếm có lắm nhỉ?

Ta bảo Biệt Giá rằng :

- Muốn học cái đạo Bồ Đề vô thượng thì đừng có khinh người mới học, người kém nhất lại có cái chí tốt bậc, người tốt bậc lại chẳng có ý chí gì. Nếu khinh người tức là bị tội vô lượng vô biên.

Biệt Giá nói :

- Anh cứ đọc đi, tôi sẽ viết giúp anh. Nếu anh đắc pháp thì độ cho tôi trước, đừng có quên nhé !

Ta mới đọc bài kệ rằng :

Bồ Đề nguyên không có cây,

Gương sáng cũng chẳng phải dài gương soi,

Nguyên lai không có mây may,

Làm chi có chỗ trần ai bợn vào.

Viết xong bài kệ rồi, đồ chúng đều kinh cho là một sự hải hùng, cùng bảo nhau rằng lạ quá nhỉ ! Ta đừng có trông mặt mà bắt hình dong nữa nhé, mấy khi lại có vị nhục thân Bồ tát thế đấy ! Tổ thấy mọi người kinh quái, sợ có kẻ ác tâm làm hại mới rút chiếc giấy đang đi xoá mất bài kệ đi và nói : "Cũng chưa tỏ tính". Chúng cũng tin vậy.

Hôm sau, Tổ lên đến xưởng gạo, thấy ta đeo đá giã gạo mới bảo rằng :

- Con người cầu đạo, vì Pháp quên thân, phải làm như thế ư ?

Đoạn lại hỏi :

- Gạo giã đã được chưa¹?

¹ Ý hỏi : Đã giác ngộ tự tính chưa

Ta thưa :

- Đã được rồi, chỉ còn thiếu gần thôi¹.

Tổ cầm gậy đập vào cần cối ba cái rồi đi. Ta hiểu ngay ý Tổ. Canh ba đêm ấy ta lên lên nhà trên. Tổ lấy cà sa che kín, không cho ai trông thấy, rồi giảng kinh Kim Cương cho nghe, đến câu : *Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm* (nghĩa là cái tâm phải hành động luôn mà không dính lúu vào cái gì). Ta nghe đoạn cả ngộ cái lẽ hết thấy muôn Pháp không ngoài tự tính, mới bạch Tổ rằng :

- Hay đâu tự tính nguyên văn thanh tịnh; hay đâu tự tính nguyên chẳng diệt sinh; hay đâu tự tính nguyên tự đầy đủ; hay đâu tự tính nguyên rung động; hay đâu tự tính hay sinh muôn Pháp.

Tổ biết ta ngộ được bản tính rồi mới bảo ta rằng :

- Chẳng nhận rõ được tâm thì học Pháp có ích gì ? Nếu nhận rõ được bản tâm mình, thấy rõ được bản tính mình, thế tức là Trương phu, Thiên Nhân Sư², Phật.

Canh ba ta thụ Pháp chẳng một ai biết, Tổ liền truyền cho phép Đốn giáo và y, bát mà rằng :

- Ta trao cho người làm Tổ thứ sáu, người nên khéo nhớ, giữ lấy mà độ khắp giống hữu hình, mà truyền khắp cho đời sau, đừng để dứt mất. Nay, nghe bài kệ của ta đây :

*Có đem nhân giống Phật Đà,
Gieo vào lòng chúng nở ra quả lành.
Không hạt giống, không hữu tình,
Đã không tính cũng không sinh chi mà.*

¹ Ý nói : Tự thân đã giác ngộ, chỉ còn mong được ấn chứng.

² Thiên Nhân Sư là một trong 10 danh hiệu của Phật, nghĩa là bậc thầy của trời và người.

Đoạn Tổ lại nói :

- Xưa kia Đạt Ma Đại sư mới đến cõi này người chưa tin lắm, cho nên mới truyền cái áo này để nêu tỏ cái thể tin mà đời đời nối nhau. Còn Pháp thì dùng tâm truyền tâm, khiến cho tự ngộ, tự hiểu. Xưa kia chư Phật chỉ truyền ban thể, các Tổ chỉ ngầm trao bản tâm, áo là cái mới tranh giành, đến anh là thôi, đừng có truyền nữa. Nếu truyền áo ấy nữa thì mệnh như sợi tơ mảnh, thôi anh đi đi, e có kẻ nó làm hại anh đấy.

Ta bạch : "Nay con đi về nơi nào ?" Tổ nói : "Gặp Hoài thời đỗ (huyện Hoài tập) gặp Hội thì nấp (huyện Tứ Hội)". Canh ba đêm ấy, ta lĩnh y bát rồi nói :

- Con nguyên là người xứ Nam, vốn không thuộc đường núi này, làm thế nào mà ra khỏi cửa sông được ?

Ngũ Tổ nói : "Anh không lo, ta sẽ đưa anh ra". Nói đoạn, Tổ đưa mãi ra tận trạm Cửu Giang. Tổ bảo xuống thuyền, rồi Tổ cầm chèo. Ta nói : "Xin Hoà thượng ngồi để con chèo đò". Tổ nói : "Để ta độ anh mới phải" . Ta nói :

- Khi mê thấy độ, ngộ rồi tự độ. Độ là một tiếng mà chỗ dùng khác nhau. Con sinh ra ở miền biên cương, ngay cả giọng nói cũng chưa chuẩn xác, nay nhờ thầy truyền Pháp cho, con đã ngộ rồi, thì phải tự tỉnh tự độ mới phải.

Tổ nói :

- Đúng thế ! Đúng thế ! Từ đây trở đi, Phật pháp nhờ anh mà thịnh đạt. Sau đây ba năm, ta mới qua đời, nay anh ra đi, gắng sức về Nam đừng có vội nói mà Phật pháp kho thịnh ngay được.

Ta từ biệt Tổ, cất bước về Nam. Đi trong hai tháng, đến núi Đa Dữu¹ thì thấy có chừng hai ba trăm người đuổi theo đằng sau muốn cướp y, bát. Có một vị Tăng họ Trần tên là Huệ Minh², trước đã làm tới Tứ phẩm Tướng quân, tính hạnh thô tháo, hết sức sục sạo, chạy trước cả chúng, đuổi kịp ta. Ta vứt y, bát lên trên phiến đá mà nói : Áo này để nêu tỏ sự tin, có lấy sức mà tranh thế nào được.

Nói đoạn ta núp vào trong bụi cỏ.

Huệ Minh đến nơi hết sức nhắc lên không nổi, mới kêu to lên rằng :

- Hành giả ơi ! Hành giả ơi ! Tôi vì Pháp mà lại, chứ có phải vì áo mà lại đâu.

Ta mới ra ngồi trên tảng đá. Huệ Minh làm lễ rồi nói :

- Xin Hành giả nói Pháp cho tôi nghe.

Ta nói :

- Anh đã vì Pháp mà lại đây thì nên dẹp hết mọi duyên, đừng nẩy một niệm khác, tôi sẽ nói anh rõ. Một lát ta mới bảo rằng:

- Chẳng nghĩ thiện chẳng nghĩ ác, giữa lúc đó thì cái gì là cái mất mát thực của Thượng toạ ?

Huệ Minh nghe nói cả ngộ, lại hỏi rằng :

- Ngoài những lời bí mật, ý bí mật, từ xưa truyền lại, có còn ý gì bí mật nữa không ?

Ta nói :

¹ Đa Dữu hay Đại Dữu còn gọi là Đại Lĩnh, một trong Ngũ Lĩnh ở phía Nam huyện Đại Dữu, tỉnh Giang Tây.

² Huệ Minh : Tức Đại Minh Thiền sư, cháu họ xa của vua Trần Tuyên Đế.

Những cái tôi nói cho anh chẳng phải là bí mật đâu, anh cứ soi lại, anh sẽ thấy cái bí mật nó ở ngay nơi anh.

Huệ Minh nói :

- Con tuy ở Hoàng Mai, thực chưa biết rõ đâu là mặt mắt của mình, nay nhờ ơn Người chỉ bảo, như người uống nước, lạnh nóng chỉ riêng mình biết vậy. Người tức là thầy con.

Ta nói :

- Nếu anh ngộ được như thế ta sẽ cùng anh thờ Đại sư Hoàng Mai¹, nên khéo giữ nhớ lấy.

Minh lại nói :

- Từ nay trở đi con đi về chốn nào ?

Ta bảo :

- Gặp Viên thì đỗ, gặp Mông² thì ở.

Minh lễ tạ rồi từ biệt. Ta đi đến Tào Khê³, lại bị bọn độc ác đuổi theo, mới lánh nạn vào ở với bọn đi săn bắn, ở huyện Tứ Hội, tất cả đến 15 năm, có lúc tùy nghi nói Pháp cho bọn đi săn nghe. Bọn đi săn bắt ta giữ lưới, hễ ta thấy có con vật nào thì tha ra hết. Hàng ngày đến bữa, ta kiếm nắm rau bỏ vào trong nồi luộc thịt. Có kẻ hỏi sao thì ta bảo : "Tôi chỉ thích ăn rau bên thịt". Một hôm ta nghĩ rằng : "nay đã đến lúc hoàng dương Phật pháp, không thể ẩn lánh mãi

¹ Hoàng Mai : Tên huyện có núi Đông Sơn, nơi trụ trụ trì của Ngũ Tổ Hoàng Nhãn. Hoàng Mai Đại sư tức là Tổ Hoàng Nhãn.

² Viên tức phủ Viên Châu, tỉnh Giang Tây; Mông tức núi Mông (Mông Sơn) ở phủ Viên Châu.

³ Tào Khê : Tên dòng suối bắt nguồn từ đèo Cửu Nhĩ ở huyện Khúc Giang, tỉnh Quảng Đông.

được" rồi ta tìm tới chùa Pháp Tính trong thành Quảng Châu, vừa gặp lúc ấn Tông Pháp sư¹ giảng kinh Niết Bàn. Lúc đó gió thổi cây phướn lay động, một vị Tăng nói là gió động, một vị Tăng nói là phướn động, hai bên cãi vã nhau mãi.

Ta tới gần nói rằng :

- Chẳng phải là gió động, chẳng phải là phướn động, đó chỉ tại lòng các Ngài động mà thôi.

Mọi người nghe nói đều giật mình. Ấn Tông Pháp sư mời ta lên ngôi chiếu trên, gạn hỏi nghĩa sâu xa, thấy ta nói ít, đúng lý chẳng cần văn tự. Pháp sư nói :

- Hành giả quyết không phải là người tầm thường. Tôi nghe thấy nói y bát Tổ Hoàng Mai truyền sang Nam đã lâu, nay có lẽ chính là Hành giả chăng ?"

Ta nói không dám, Pháp sư liền đứng dậy làm lễ, xin đem y bát ra cho chúng cùng biết. Đoạn Pháp sư lại hỏi rằng : "Tổ Hoàng Mai giao pháp, chỉ bảo những gì ?" Ta nói :

- Chẳng có chỉ bảo chi cả, chỉ bàn một nghĩa kiến tính, chẳng bàn đến thiên định với giải thoát.

Pháp sư hỏi :

- Tại sao lại chẳng bàn đến thiên định với giải thoát ?

Ta nói :

- Vì nó là hai Pháp, chẳng phải là Phật pháp. Phật pháp là cái

¹ Ấn Tông pháp sư (627-713) người Ngô quận nay là huyện Ngô, tỉnh Giang Tô. Từ khi xuất gia chuyên trị kinh Niết Bàn. Sau năm 670 ông đến Kỳ Sơn bái yết Ngũ Tổ rồi lại về trụ trì chùa Pháp Tính.

Pháp chẳng phải là hai (bất nhị).

Pháp sư lại hỏi :

- Thế nào là Phật pháp bất nhị.

Ta nói :

- Pháp sư giảng kinh Niết Bàn, rõ ràng Phật tính là cái pháp Phật pháp bất nhị. Như Cao Quý Đức Vương Bồ tát bạch Phật rằng : Phạm giới tứ trọng, làm tội ngũ nghịch và bợn Nhất Xiển Đề, có đoạn mất thiện căn Phật tính không ? Phật dạy : Thiện căn có hai thứ một là thường, hai là vô thường. Phật tính chẳng phải là thường, cũng chẳng phải là vô thường, vì thế nên chẳng đoạn mà gọi là bất nhị. Một là thiện, hai là bất thiện, Phật tính chẳng phải là thiện, cũng chẳng phải là bất thiện, vì thế là hai món, bậc trí giả hiểu suốt thì tính nó không có hai, cái tính không có hai đó tức là Phật tính.

Pháp sư nghe đoạn, mừng rỡ chấp tay nói rằng :

- Con giảng kinh như ngồi như sỏi. Ngài bàn nghĩa y như vàng ròng.

Xong, làm lễ cắt tóc cho ta và xin thờ ta làm thầy. Ta bèn mở pháp môn Đông Sơn ở dưới gốc cây Bồ Đề. Huệ Năng tới từ khi đắc pháp ở Đông Sơn, chịu nhiều nổi cay đắng, tính mạng như sợi tơ treo. Cho đến ngày nay được cùng sứ quân, quan liêu, Tăng Ni, Đạo, Tục cùng họp cả ở trong một hội này, thấy là có cái duyên từ bao kiếp. Cũng là từ bao kiếp xưa kia cúng dường chư Phật cùng ươm nhân lành mới nghe được cái nhân đắc pháp đốn giáo đã nói trên kia. Giáo ấy là từ Tiên Thánh truyền lại, chẳng phải là tự trí ta bày ra. Mong rằng các vị nghe lời giáo pháp của Tiên Thánh, ai nấy để tâm thanh tịnh nghe rồi ai nấy trừ hết mối ngờ, sẽ cũng được như

các vị Thánh nhân đời trước không có khác gì. Cả chúng nghe pháp vui mừng làm lễ rồi lui ra.

II. PHẨM BÁT NHÃ

Hôm sau, vị sứ quân xin giảng thêm, Tổ lên Toà ngồi, bảo cả đại chúng để tâm thanh tịnh niệm Ma ha tát Bát nhã ba la mật đa, đoạn nói rằng :

— Các thiện trí thức ! Cái trí Bồ Đề Bát nhã người đời ai cũng sẵn có, chỉ vì tâm mê, chẳng thể tự ngộ ra được, cần phải nhờ bậc đại trí thức chỉ bảo cho tỏ tính. Phải biết người ngu, người trí, tính Phật nguyên không khác nhau, chỉ vì bên mê bên ngộ, cho nên mới có người ngu người trí, nay ta sẽ nói các pháp Ma ha tát Bát nhã ba la mật đa (đại trí tuệ) để cho các ngài đều được trí tuệ, nên dốc lòng mà nghe cho kỹ, ta sẽ nói cho hay.

Này các thiện trí thức ! Người đời suốt ngày miệng nói Bát nhã mà chẳng biết tự tính Bát nhã, cũng như kẻ nói chuyện ăn chẳng bao giờ no, miệng nói không hoài, muôn kiếp chẳng được tỏ tính, rút cục chẳng có ích gì.

Các thiện trí thức ơi ! Ma ha Bát nhã ba la mật là tiếng Phạn, ta dịch là Đại trí tuệ đáo bỉ ngạn (cái trí tuệ lớn đưa ta tới bờ giác kia), cái đó cốt ở tâm làm chẳng phải ở miệng nói. Miệng nói tâm không làm, như trò dối, như móc treo, như chớp nhoáng, miệng nói tâm làm thì tâm miệng ăn nhịp với nhau. Ma ha nghĩa là gì ? – Nghĩa là lớn, tâm lượng rộng lớn như khoảng không, không có bờ bến cũng không vuông tròn, lớn bé, cũng chẳng phải xanh vàng đỏ trắng, cũng không có trên dưới dài ngắn, cũng không gian, không mừng, không phải không trái, không thiện không thiện không ác, không có

đầu đuôi. Cõi đất của chư Phật như khoảng hư không hết. Cái tính mầu nhiệm của người đời nguyên cũng không hết, không có một pháp nào là đã được cả, cái tự tính chân không nó cũng thế. Các thiện trí thức đừng có nghe ta nói không mà chấp trước cái không. Điều cần nhất là đừng có chấp trước không, nếu lòng không ngồi yên, thế tức là trước vô ký không rồi.

Này các thiện trí thức ! Thế giới hư không hay bao hàm cả hình sắc vạn vật, nhật nguyệt, tinh tú, núi sông đất đai, nguồn suối khe lạch, cỏ cây bụi rừng, người ác, người thiện, pháp ác, pháp thiện, thiên đường, địa ngục, hết thấy bề lớn, các núi Tu Di, đều ở trong không cả, cái tính không của người đời nó cũng như thế.

Các thiện trí thức ơi ! Tự tính hay bao hàm cả vạn pháp thế là lớn. Vạn pháp ở trong tính của mọi người, thấy đều không lấy không bỏ cũng chẳng nhiễm trước, tâm như hư không, thế gọi là lớn. Lớn như thế nên gọi là Ma ha.

Này các thiện trí thức ! Người mê chỉ nói nơi miệng, người trí cốt làm nơi tâm. Lại có một hạng người mê, lòng không ngồi yên, không nghĩ tý gì, tự cho thế là lớn. Cái hạng người ấy chẳng thể nói chuyện với họ được, vì họ đã mắc tà kiến rồi.

Các thiện trí thức ơi ! Tâm lượng rộng lớn khắp hết pháp giới, dùng đến là rõ ràng rành mạch, ứng dụng liền biết hết thấy, hết thấy tức là một, một tức là hết thấy, đi lại tự do, tâm thể không vướng, thế là tức Bát nhã.

Này các thiện trí thức ! Hết thấy trí Bát nhã đều ở nơi tự tính sinh ra chẳng phải ở ngoài vào, dùng dùng ý lăm, thế là chân tính tự dụng. Một cái chân, hết thấy mọi cái đều chân, tâm lượng việc lớn, chẳng làm đạo nhỏ. Đừng có suốt ngày miệng thì nói không mà

trong tâm chẳng không tí nào. Vì thế thì nó cũng như một kẻ dân đen tự xưng là vua chúa chẳng thể nào được, chẳng phải là đệ tử của ta.

Các thiện trí thức ơi ! Bát nhã là gì ? – Ta gọi là trí tuệ vậy, hết thấy nơi chốn, hết thấy thời gian, luôn luôn không ngu mê, thường làm sự gian, luôn luôn không ngu mê, thường làm sự trí tuệ, thế là *Bát nhã hạnh*. Một mỗi niệm trí tức là *Bát nhã sinh*. Người đời ngu mê chẳng thấy Bát nhã. Miệng nói Bát nhã trong lòng thường ngu, thường tự nói rằng ta tu Bát nhã, luôn luôn nói không, chẳng biết chân không. Bát nhã không có hình tướng, tức là cái tâm trí tuệ đó, nếu hiểu được như thế tức là Bát nhã trí. Ba la mật là gì? - Đó là tiếng Tây Vực, ta dịch là Đáo bỉ ngạn, nghĩa là lìa sinh diệt. Trước cảnh khởi sinh diệt như nước có làn sóng đó tức là bờ bên này, lìa cảnh không sinh diệt, như nước chảy luôn luôn, thế là bờ bên kia (bỉ ngạn) cho nên gọi là Ba la mật.

Các thiện trí thức ơi ! người mê miệng niệm. Ngay trong lúc niệm đó cũng có cả vọng cả sai, nếu luôn luôn làm được đúng đắn thế là chân tính. Ngộ được pháp đó là pháp Bát nhã, tu được hạnh đó là hạnh Bát nhã, chẳng tu tức là kẻ phàm, một niệm tu hành, thân mình thành Phật.

Này các thiện trí thức ! Phàm phu tức là Phật, phiền não tức là Bồ Đề, mỗi niệm trước mê tức là phàm phu, mỗi niệm sau ngộ tức là Phật, mỗi niệm trước trước cảnh tức là phiền não, mỗi niệm sau lìa cảnh tức là Bồ Đề.

Các thiện trí thức ơi ! Ma ha tát Bát nhã ba la mật là thứ pháp tôn quý nhất, cao thượng nhất, tột bậc nhất. Pháp ấy không đứng

không đi, cũng không lại, tam thế chư Phật¹ tự đó ra, nên dùng đại trí tuệ đập tan ngũ uẩn, phiền não trần lao, tu hành như thế nhất định thành Phật, biến tam độc thành Giới, Định, Tuệ.

Này các thiện tri thức ! Pháp môn này của ta, từ một trí Bát nhã sinh ra tám vạn bốn nghìn trí tuệ. Vì sao thế ? Vì rằng người đời có tám vạn bốn nghìn trần lao, nếu không có trần lao, trí tuệ thường hiện ra, chẳng lìa khỏi tự tính. Ngộ được pháp ấy tức là vô niệm. Không nhớ, không dính lúu, không khởi sự rồi xả, dùng cái tính chân như của mình lấy cái trí tuệ quán chiếu, đối với hết thấy pháp, chẳng lấy chẳng bỏ, thế là tỏ tính thành Phật.

Các thiện tri thức ơi ! Nếu muốn vào nơi pháp giới rất sâu và nơi Bát nhã tam muội, thì cần phải tu hạnh Bát nhã, trì tụng kinh Kim Cương Bát nhã, tức thì tỏ tính ngay. Phải biết công đức của kinh ấy vô lượng, vô biên. Trong kinh đã tán thán rõ ràng, đây chẳng thể nói hết được. Pháp môn ấy là bậc Tối thượng thừa, là nói riêng cho các người Đại trí, là nói riêng cho hạng thượng căn. Người tiểu căn, tiểu trí nghe sinh lòng chẳng tin, ví như trời đổ mưa rào thì, thành ấp, xóm lạch đều trôi dạt hết, như thể lá cỏ. Nếu mưa xuống biển cả, thì chẳng thêm bớt tí gì, như bậc Đại thừa, bậc Tối thượng thừa nghe nói kinh Kim Cương thì tâm khai ngộ ngay, vì thế nên biết bản tính của ta vẫn có cái trí Bát nhã. Tự dùng trí tuệ của mình mà quán chiếu luôn nên chẳng cần đến văn tự. Như nước mưa kia chẳng phải lúc trước không có, khi mưa mới có, mà do rồng thần đôn mây trút mưa, khiến cho hết thấy chúng sinh, hết thấy cây cỏ,

¹ Tam thế chư Phật : Ba đời : Quá khứ, hiện tại, tương lai (vị lai). ở thời Phật giáo ra đời, đức Thích Ca Mâu Ni là Phật hiện tại. Các Phật trước đức Thích Ca là Phật quá khứ. Các Phật sau đức Thích Ca là Phật tương lai. Tam thế chư Phật chỉ các Phật xuất hiện trong cả ba đời quá khứ, hiện tại, tương lai.

hữu tình, vô tình, đều được thấm nhuần hết. Rót vào trăm sông, rồi chảy ra biển, hợp thành một thể. Cái trí Bát nhã của bản tính chúng sinh nó cũng như thế.

Các thiện trí thức ơi ! Những người căn cơ nhỏ bé nghe pháp đốn giáo này, cũng như thứ cây cỏ yếu, nếu bị mưa rào, là đổ rạp hết, chẳng thể tươi tốt lên được. Con người căn cơ nhỏ bé nguyên cũng có cái trí Bát nhã y như người đại trí kia, chẳng có gì khác, vì sao nghe pháp chẳng tự khai ngộ ra được ? Đó là vì cái chướng tà kiến nặng quá, cái căn phiền não sâu quá, cũng như đám mây che kín mặt trời không có gió thổi, mặt trời chẳng lóe sáng được. Cái trí Bát nhã cũng không có lớn có bé, chỉ vì hết thấy chúng sinh tự tâm mê ngộ khác nhau. Bởi tâm mê thì bên ngoài sinh tà kiến. Tu hành ở ngoài tâm, lia tâm mà mong tìm Phật thế là chưa ngộ được tự tính. Đó là hạng người có căn tính nhỏ. Nếu tỏ ngộ đốn giáo, chẳng chấp là có phép tu ở ngoài, cứ khởi chính kiến luôn luôn ở nơi tâm mình thì phiền não trần lao không bao giờ có thể nhiễm được, thế tức là kiến tính.

Các thiện trí thức ơi ! Chẳng đứng ở chỗ trong ngoài, đi lại tự do, trừ được cái tâm cố chấp tức thông suốt lẽ vô ngã¹, không có chướng ngại. Nếu tu hạnh Bát nhã được như thế thì không khác gì những điều đã nói trong kinh Bát nhã.

Này các thiện trí thức ! Hết thấy các kinh và các văn tự, 12 bộ kinh Đại thừa, Tiểu thừa đều đặt ra tùy theo căn tính lớn nhỏ khác nhau của chúng sinh, do căn tính trí tuệ của chúng sinh hơn kém nhau mà lập nên những kinh giáo đó. Nếu không có người đời thì

¹ Vô ngã : Tiếng Phạn là Anátman, chỉ chân lý tuyệt đối, không chấp nê vào bất cứ một đối tượng chủ thể nào (Nhân ngã, pháp ngã, tự ngã, tha ngã). Kinh Kim Cương nói : " Thông đạt pháp vô ngã, Như Lai gọi là bậc Bồ tát chân chính."

hết thấy muôn pháp tự nhiên chẳng còn. Vì thế nên biết vạn pháp nguyên tự người mà nổi lên. Hết thấy kinh sách vì người mà nói nó. Vì trong loài người có kẻ ngu người trí, Ngu là tiểu nhân, Trí là đại nhân, kẻ ngu phải hỏi người trí, người trí phải nói cho kẻ ngu. Kẻ ngu bỗng tâm mở tỏ, thì cũng như người trí ngay.

Các thiện trí thức ơi ! Khi chưa ngộ thì Phật là chúng sinh, khi một niệm ngộ, chúng sinh là Phật. Vì thế nên biết vạn pháp thấy đều ở tâm. Làm sao chẳng thấy ngay bản tính chân như ở trong tâm mình đi. Trong kinh *Bồ Tát giới* nói rằng : Cái tự tính ta nguyên vẫn thanh tịnh, nếu nhận biết tâm thấy tỏ sự tính, đều tu hành Phật hết. *Kinh Tịnh danh* nói : Tức thì vỡ vạc, lại được bản tâm.

Các thiện trí thức ơi ! Ta ở nơi Nhẫn Hoà thượng chỉ nghe một câu là ngộ ngay, là thấy ngay bản tính chân như, vì thế nên mới đem giáo pháp ấy ra thi hành, khiến cho kẻ học đạo ngộ ngay đạo Bồ Đề ai nấy tự soi vào tâm, tự thấy bản tính. Nếu chẳng tự ngộ thì phải tìm bậc Đại thiện trí thức hiểu suốt phép Tối thượng thừa bảo rõ cho con đường chân chính, bậc thiện trí thức ấy có nhân duyên lớn. Nghĩa là điểm hóa chỉ dẫn khiến được tỏ tính. Hết thấy thiện pháp nhờ có thiện trí thức mới hay, mở mang ra được. Tam thế chư Phật, 12 bộ kinh, trong tính người ta có nguyên đủ cả, chẳng tự ngộ được, nên phải tìm thiện trí thức chỉ bảo cho thấy được. Con người tự ngộ ra được, chẳng phải cầu ở ngoài. Nếu cứ chấp rằng phải có thiện trí thức mới mong Ngài giải thoát, đó là lầm to. Sao vậy ? Vì trong tâm mình, nó có trí thức tự ngộ, nếu khởi lòng tà, nghĩ vơ nghĩ vẩn, thì dù bậc thiện trí thức ở ngoài dạy bảo cũng chẳng thể được. Nếu phát khởi chính chân Bát nhã mà quán chiếu thì chỉ trong một sát na (phút chốc), vọng niệm diệt hết. Nếu nhận rõ được tự tính, ngộ một cái là tới nơi Phật ngay.

Các thiện trí thức ơi ! Dùng trí tuệ mà soi thì trong ngoài sáng suốt, nhận rõ bản tâm của mình. Nếu nhận rõ được bản tâm tức là giải thoát được căn bản. Nếu được giải thoát tức là vào Bát nhã Tam muội. Bát nhã Tam muội tức là vô niệm¹. Thế nào là vô niệm ? Nghĩa là thấy biết hết thấy Pháp, mà tâm không dính lúu, thế là vô niệm.

Dùng ra thì tới khắp mọi nơi, mà cũng chẳng dính lúu vào nơi nào, cứ để cho cái bản tâm thanh tịnh khiến cho sáu thức ra ngoài sáu cửa, đối với sáu trần không nhiễm không tạp, đi lại tự do, không đụng không vướng, thế tức là Bát nhã Tam muội, tự tại giải thoát, là vô niệm hành. Nếu bỏ mặc trăm vật chẳng nghĩ, khiến cho mỗi niệm dứt đi, thế tức là bị bó buộc, tức là biên kiến.

Này các thiện trí thức ! Hễ ngộ được pháp vô niệm thì suốt hết muôn pháp. Ngộ được phép vô niệm sẽ tới ngôi Phật.

Các thiện trí thức ơi ! Sang đời sau đây ai được pháp của ta đem chỗ đồng kiến, đồng hành, pháp môn đốn giáo này mà phát nguyện tỳ trì như thờ chư Phật, trọn đời chẳng lùi, nhất định được vào ngôi Thánh, nhưng cần phải đem hết những bí truyền từ trước trở lại, không được giấu giếm chính pháp. Nếu là chỗ chẳng đồng kiến đồng hành, tu theo phép khác, thì không được trao truyền e hại đến người trước, rút cục chẳng có ích gì. Lại e người ngu chẳng hiểu huỷ báng pháp môn này, trăm kiếp ngàn đời mất chủng tính Phật.

Này các thiện trí thức ơi ! Ta có một bài vô tướng tụng đây, ai nấy tụng lấy, bất cứ tại gia xuất gia cứ y theo thế mà tu, nếu chẳng tự tu, dù nhớ lời ca những không ích gì. Nghe bài tụng sau đây :

¹ Vô niệm : Không có ý nghĩ hư vọng.

Suốt thông vạn pháp tâm này,
Tuỳ cơ giáo hoá tỏ ngay đạo mầu.
Như trời quang tạnh lâu lâu,
Vòng đông chói lọi dàu dàu cũng tường.
Ra đời truyền pháp chân thường,
Một môn tỏ tính phá toang tông tà,
Thành công chậm chóng khác xa,
Bởi mê với ngộ chia ra đôi đường.
Vì môn tỏ tính chân thường,
Người ngu hồ đồ rõ ràng được dàu.
Nói ra muôn pháp khác nhau,
Quy về chân lý một mầu là chân.
Trong nhà phiền não tối tăm,
Một vòng tuệ nhật phải cần soi luôn,
Tà sinh phiền não đủ đường,
Chính thì phiền não hết phương quấy rầy
Chính tà lạng bất cả hai.
Tuyệt trần thanh tịnh tới vời vô dư.
Bồ Đề chính bản tính ta,
Này lòng nghĩ khác tức là vọng tâm.
Tịnh tâm trong cái vọng tâm,
Hề tâm chân chính sạch tam chương liên
Ai tu cố gắng tu lên.

Chẳng ai là chẳng tu nên đạo lành,
Luôn luôn thấy tỏ lỗi mình,
Con đường đạo tiến rành rành cân nhau,
Giống nào cũng một đạo mẫu,
Chẳng hề chướng ngại với nhau chút nào,
Nhược bằng bỏ đó vọng cầu,
Suốt đời chẳng thấy đạo đâu nữa mà.
Một đời chìm nổi bôn ba,
Đến cùng cũng chỉ những là ăn năn.
Muốn tu thành đạo chí chân,
Hành vi chân chính là căn cơ nhà.
Không lòng cầu đạo thiết tha,
Hành vi ám muội càng xa đạo này.
Thực người tu đạo xưa nay,
Chẳng bao giờ thấy lỗi người thế gian.
Thấy ai có sự lỗi lầm,
Mà ta chế diễu là tâm sai rồi.
Người lầm ta chẳng chê bai,
Ta chê ta mắc lỗi rồi chẳng chơi.
Cứ trừ hết tính chê bai,
Đập tan phiền não, không nơi tối mờ.
Chẳng yêu chẳng ghét chi mà,
Ung dung hưởng thú vui hoà thiên nhiên.

Muốn ra giáo hoá phủ nguyên,
Cần có phương tiện mới nên công mà.
Sao cho họ chẳng sinh ngờ,
Tức là tự tính hiện ra hoàn toàn.
Phật pháp còn ở thế gian,
Là để giác ngộ thế gian mê lầm.
Nếu mà lìa bỏ thế gian,
Để cầu đạo Phật lạc đường chính ngay.
Biết đúng là xuất thế đây,
Biết sai là thế gian đầy chông gai.
Sợ không cả đúng cả sai,
Bồ Đề tu tỉnh thấy ngay rành rành.
Đây là đốn giáo rất tinh,
Cũng là thuyền pháp tây đình chở ta.
Ngộ thì giây phút thoát ra,
Mê thì kiếp kiếp tu mà làm chi?

Đoạn Đại Sư lại nói tiếp :

- Hôm nay nói pháp tu Đốn giáo ở chùa Đại Phạm này, nguyện cho chúng sinh khắp pháp giới, nghe xong liền thấy rõ pháp tu hành Phật.

Lúc đó vị sứ quân cùng các quan liêu, đạo, tục, nghe Đại sư nói, ai nấy đều tỉnh ngộ, cùng làm lễ và đồng thanh tán thán rằng :
“Hay thay ! Ngờ đâu xứ Lĩnh Nam này lại có Phật ra đời!”.

III. PHẨM NGHI VẤN

Một hôm quan Thứ sử đặt một tiệc trai lớn thỉnh Đại sư đến. Thụ trai xong, Vi Thứ sử thỉnh Đại sư lên toà rồi cùng các quan liêu, sĩ dân cung kính lễ hai lễ mà hỏi rằng :

- Đệ tử nghe Hoà thượng thuyết pháp thực là bất khả tư nghị. Nay còn có một chút ngờ, xin Hoà thượng mở lòng Đại từ bi mà chỉ bảo rõ.

Đại sư nói :

- Có điều gì còn ngờ cứ hỏi, ta sẽ giảng thêm.

- Những pháp của Hoà thượng nói có phải là tôn chỉ của Đạt Ma Đại Sư không?

- Phải.

- Đệ tử nghe nói Ngài Đạt Ma lúc mới tới hoá độ vua Lương Vũ Đế, vua hỏi rằng :“Trẫm một đời làm chùa, độ tăng, bố thí, cúng trai, có công đức gì không ?”. Ngài Đạt Ma nói :“Thực không có công đức gì cả”. Đệ tử chưa hiểu suốt cái lẽ đó, xin Hoà thượng dạy cho.

Đại sư nói :

- Quả là không có công đức gì thật, đừng nghi ngờ lời Tiên, Thánh nói. Vũ Đế tâm tà chẳng biết chính pháp, làm chùa, độ Tăng, bố thí cúng trai, thế là cầu phúc. Đừng có hiểu làm phúc đó là công đức. Công đức nó ở trong Pháp thân, chứ chẳng ở chỗ tu phúc... Tổ tính là công, bình đẳng là đức, luôn luôn không vương, thường thấy bản tính chân thực diệu dụng thế là công đức.

Trong lòng nhún nhường là công, tâm thể lìa hẳn mối niệm là đức. Chẳng lìa tự tính là công, ứng dụng không nhiễm là đức. Nếu

tìm công đức pháp thân cứ y theo thế mà làm, thế là công đức thật. Thực là người tu công đức tâm chẳng khinh ai, ai cũng kính tất. Tâm thường khinh người, chẳng sạch nhân ngã, thế là tự mình không công, tự tính hư xằng chẳng thực, tức là tự mình không đức, đều là vì ta đây là to, khinh rẻ hết thấy vậy.

Này các thiện trí thức ! Luôn luôn một niệm không sai, tâm làm bằng phẳng là đức. Tự tu tính là công, tự tu thân là đức.

Các thiện trí thức ơi ! Công đức phải thấy ngay ở trong tự tính, chẳng phải làm sự bố thí cúng dường mà cầu được. Phân biệt rõ được phúc đức với công đức rồi, thì biết ngay là bởi Vũ Đế chẳng rõ chân lý, chứ chẳng phải lỗi tại Tổ ta.

Thử sử lại hỏi :

- Con thường thấy cả Tăng lẫn tục đều niệm A Di Đà Phật, nguyên sinh Tây phương, xin Hoà thượng nói cho con biết có được vãng sinh sang đấy thực không để con hết ngờ ?

Đại sư nói :

- Sư quân để ý mà nghe ta nói cho biết : Khi đức Thế Tôn¹ ở trong thành Xá Vệ có nói kinh Tây phương để tiếp dẫn giáo hoá. Ngài tuy cơ giáo hoá, Ngài nói rằng Tây phương Tịnh độ ở xa là để giáo hoá người hạ căn. Nói Tây phương Tịnh độ ở gần là để giáo hoá bậc thượng trí. Người thì có hai hạng, pháp không có hai, bởi mê ngộ khác nhau nên thấy có chướng chận. Người mê thì phải niệm Phật cầu sinh sang đấy, người ngộ thì chỉ tự sửa cho cái tâm thanh tịnh, vì thế nên Phật nói tùy theo tâm tịnh, tức là Tịnh độ của Phật.

¹ Thế Tôn : Một trong 10 danh hiệu của đức Phật Thích Ca. Vì Phật có đủ vạn đức được người đời tôn trọng nên gọi là Thế Tôn.

Sứ quân người phương Đông hể tâm thanh tịnh tức là không có tội mà người phương Tây tâm chẳng thanh tịnh cũng có tội lỗi.

Người phương Đông tạo tội, niệm Phật cầu sinh Tây phương, còn người Tây phương tạo tội thì niệm Phật cầu sinh sang nước nào ? Kẻ phạm phu chẳng tỏ tự tính, chẳng biết Tịnh độ ở ngay trong thân, nguyện sinh phương Đông phương Tây, còn người ngộ ở đâu cũng thế. Vì thế nên Phật nói rằng : Tuỳ ở chỗ nào cũng thường yên vui. Nếu tâm địa sứ quân toàn là thiện cả, thì Tây phương ở liền ngay đó. Nếu mang tám lòng bất thiện, niệm Phật hồng gì vãng sinh. Vậy ta khuyên các thiện trí thức trước hết hãy trừ thập ác¹, sau lại trừ nốt bát tà², luôn luôn tỏ tính, thời gian bằng gẩy móng tay, liền thấy đức Di Đà. Sứ quân hãy làm thập thiện (tức không phạm vào 10 điều ác trên) ngay đi, cần chi nguyện vãng sinh vội. Chẳng đoạn hết tâm thập ác, Phật nào lại tiếp dẫn cho.

Nếu ngộ *vô sinh Đốn pháp*³, chỉ trong Xát na (phút chốc) đã thấy Tây phương, chẳng ngộ như thế mà cứ niệm Phật cầu vãng sinh, đường xa sao đi tới được ? Bây giờ Huệ Năng này có thể cùng các vị trong giây lát dời trọn cả miền Tây phương Tịnh độ đến ngay nơi đây, có thể ngược mắt thấy ngay được, Chẳng hay các vị có muốn xem cho biết hay không ?

Chúng đều đánh lễ bạch rằng :

¹ Thập ác : 10 điều ác là : Sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối (vọng ngữ), nói bịa đặt lật lọng, ác khẩu, tam, sân, si.

² Bát tà : 8 điều tà : Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mệnh, tà ph.ong tiện, tà niệm, tà định.

³ Vô sinh Đốn pháp : Tức thời giác ngộ chân lý "Hết thấy các pháp đều vô sinh vô diệt".

- Nếu thấy được ở xứ này thì còn phải nguyện sinh đi đâu nữa, xin Hoà thượng từ bi hiện Tây phương Tịnh độ ngay, khiến cho đều được thấy rõ”.

Đại sư nói :

- Nay đại chúng ! Ngay cái sắc thân của người đó tức là bức thành. Mắt, tai, mũi, lưỡi là cửa thành. Ngoài có năm cửa, trong có cái cửa ý nữa, tâm là đất, tính là vua. Vua ở trên đất tâm, tính còn vua còn, tính đi vua mất. Tính còn, thân tâm còn, tính đi thân tâm nát.

Muốn thành Phật cứ làm theo chân tính, đừng cầu ở ngoài thân. Tự tính mê tức là chúng sinh, tự tính giác tức là Phật, từ bi là Ngài Quan Âm¹, hỷ xả là Ngài Thế Chí², hay làm đạo nhân sạch hết nhân pháp là đức Thích Ca, bằng phẳng thẳng thắn là đức Di Đà, nhân ngã là núi Tu Di, tà tâm là nước biển, phiền não là sóng gió, độc hại là rồng ác, hư vọng là quỷ thần, trần lao là tôm cá³, tham sân là địa ngục⁴, ngu si là súc sinh⁵.

Các thiện trí thức ơi ! Thường làm thập thiện tới ngay Thiên đường, trừ nhân ngã, núi Tu Di đổ. Sạch lòng ta, nước bể cạn, không phiền não, sóng gió lặng, không độc hại cá rồng hết. Cái

¹ Quan Âm : Vị Bồ tát cứu khổ cứu nạn. Kinh Pháp Hoa nói : Nếu chúng sinh gặp khổ nạn mà trong tâm gọi tên Ngài thì vị Bồ tát này nghe tiếng và được giải thoát.

² Thế Chí tức Đại Thế Chí : Vị Bồ tát dùng ánh sáng trí tuệ soi sáng cho hết thấy khiến cho chúng sinh có được sức mạnh vô thượng.

³ Trần lao khiến cho con người vất vả như tôm cá suốt ngày bơi trong nước, không lúc nào được thanh thản nghỉ ngơi.

⁴ Tham sân khiến cho con người chẳng thoả bất an như tạo ra địa ngục trong lòng mình.

⁵ Súc sinh là loài vật không có trí tuệ, ví với kẻ ngu mê.

giác tỉnh Như Lai tự tâm địa phóng ánh sáng lớn, ngoài soi sáu cửa thanh tịnh, hay phá lục dục chư Thiên¹, tự tính chiếu trong, tam độc sạch ngay cái tội, địa ngục nhất thời tiêu diệt, trong ngoài sáng suốt, chẳng khác Tây phương. Chẳng tu như thế làm sao mà tới đó được.

Đại chúng nghe đoạn tỏ tính rõ ràng đều sụp xuống lễ, đồng thanh khen hay mà xướng to lên rằng : “Nguyện cho hết thấy chúng sinh trong pháp giới nghe thấy đều hiểu tỏ ngay”.

Đại Sư lại nói :

- Nay các thiện trí thức ! Nếu muốn tu hành, tại gia cũng được, chẳng cứ ở chùa. Tại gia mà làm đúng pháp cũng như người Đông phương tâm thiện. ở chùa chẳng tu cũng như người phương Tây tâm ác. Hễ tâm thanh tịnh ấy là tự tính Tây phương.

Vi công lại hỏi :

- Tại gia tu hành phải thế nào ? Xin Đại sư dạy cho.

Đại sư nói :

- Ta nói bài vô tướng tụng cho đại chúng nghe cứ y như thế tu cũng như ở bên mình ta luôn. Nếu chẳng tu theo như thế, thì dù có cắt tóc đi tu, phỏng có ích gì?

Bài tụng rằng :

Tâm bình giới chẳng phải trì,

Hành vi thẳng thắn cần chi tu thiền.

Hiếu thì phụng dưỡng chu tuyền,

¹ Lục dục chư thiên : Sáu tầng trời của dục giới gồm : Tứ thiên vương thiên, Đạo Lợi thiên, Dạ Ma thiên, Đâu Suất thiên, Lạc biến hoá thiên, Tha hoá tự tại thiên.

Nghĩa thì trên dưới một niềm thương yêu.

Nhượng thì cao thấp biết điều,

Nhẫn thì hết sự eo xèo chiến tranh.

Bên gan chẳng quản công trình,

Bùn lầy cũng để nẩy ngành liên hoa.

Thuốc đắng dã tật chẳng ngoa,

Những lời trái ý ắt là lời hay.

Đổi lỗi trí tuệ nẩy ngay,

Giấu giếm che dậy tội dấy từng kho.

Phương tiện lợi ích mới to,

Thành Phật chẳng phải bởi cho nhiều tiền.

Bồ Đề tìm tâm thấy liền,

Hoài công tìm các lẽ huyền ở đâu.

Ai nghe theo đúng tu mau,

Thiên đường trước mắt phải đâu trên trời.

Đoạn Đại sư lại nói :

- Các thiện trí thức ơi ! Ai nấy đều nên y theo kệ đó mà tu hành, thấy rõ tự tính, thành đạo Phật ngay, pháp chẳng đợi ai. Thôi, đại chúng hãy giải tán, ta về Tào Khê, ai có điều gì ngờ cứ việc tới hỏi.

Lúc đó từ Thứ sử, quan liêu, cho đến thiện nam, tín nữ trong hội ai nấy đều mở tỏ, tin thụ vâng làm.

IV. PHẨM ĐỊNH TUỆ

Đại sư bảo đại chúng rằng :

- Nay các thiện trí thức ! Pháp môn này của ta lấy Định, Tuệ làm gốc, đại chúng đừng mê bảo Định với Tuệ khác nhau. Định Tuệ là một thể chẳng phải là hai, Định là bản thể của Tuệ, Tuệ là công dụng của Định. Đang lúc Tuệ đó, Định ở Tuệ, đang lúc Định đó Tuệ ở Định, nếu biết nghĩa đó tức là pháp học Định Tuệ ngang nhau. Mọi người học đạo đừng nói trước Định rồi mới phát ra Tuệ, trước Tuệ rồi mới phát ra Định, nó có khác nhau. Kiến giải họ như thế là cho pháp có hai tướng. Miệng nói lời thiện trong tâm bất thiện, không có Định Tuệ, Định Tuệ chẳng như nhau. Nếu tâm miệng đều thiện trong ngoài như một, Định Tuệ liền như nhau. Tự ngộ tu hành chẳng phải ở sự tranh cãi. Nếu tranh cãi trước sau tức là người mê chẳng phân được thua, chỉ thêm ngã pháp, chẳng lìa tứ tướng¹.

Nay các thiện trí thức ! Định Tuệ nó ngang nhau như thế nào? Nó cũng như đèn sáng, có đèn sáng thì không đèn nào tối. Đèn là bản thể của sáng, sáng là công dụng của đèn, tên gọi có hai, mà thể là một, pháp Định Tuệ này, nó cũng như thế.

Đại sư bảo chúng rằng :

- Nay các thiện trí thức ! Nhất hành tam muội, nghĩa là hết thấy nơi chỗ, đi, đứng, nằm, ngồi, luôn luôn làm đúng cái tâm ngay thẳng vậy. Kinh *Tịnh Danh* nói rằng : "Tâm thẳng là Đạo tràng, tâm thẳng thân là Tịnh độ". Đừng có tâm thì xiêm khúc, mà miệng nói thẳng, miệng nói nhất hành tam muội, chẳng làm theo tâm thẳng

¹ Tứ tướng : 4 loại chấp tướng : Ngã tướng (chấp nệ thực có cái ta); Nhân tướng (chấp nệ cho ta là người không giống các loài chúng sinh khác); Chúng sinh tướng (chấp nệ cho bản thân ta là do ngũ uẩn sinh ra); Thọ tướng (chấp nệ cho rằng thọ mệnh của mình có một kỳ hạn nhất định).

thần, cứ làm theo đúng cái tâm thẳng thần, đối với hết thấy mọi pháp đừng có chấp trước. Người mê trước Pháp tướng, chấp nhất hành tam muội, nói rằng thường ngồi chẳng cựa, vọng chẳng khởi tâm tức là nhất hành tam muội. Người nói như thế tức là giống vô tình, lại là cái nhân duyên chướng đạo.

Này các thiện trí thức ! Đạo cần phải lưu thông, đâu vương mắc như thế. Tâm không trụ vào pháp thì đạo được lưu thông. Nếu tâm trụ vào pháp tức là tự trói. Nếu bảo ngồi luôn chẳng cựa là phải, cũng như ông Xá Lợi Phất¹ ngồi lễ trong rừng bị ngay Ngài Duy Ma Cật² mắng.

Các thiện trí thức ơi ! Lại có người dạy cách ngồi xem tâm quán tính chẳng cựa chẳng cựa, do đó rồi thành công. Người mê không hiểu, liền chấp thành điên, như thế rất nhiều, lỗi dạy trước tướng như thế, nên biết là lầm to.

Này các thiện trí thức ! Chính giáo nguyên không có đốn có tiệm, tính người có sáng có độn. Người mê phải tu dần dần, người ngộ ngộ ngay, tự biết bản tâm, tự thấy bản tính, thì không còn có sai khác chi nữa. Vì thế nên mới tạm đặt ra cái tên *đốn tiệm*.

Các thiện trí thức ơi ! Pháp môn này của ta từ các bậc Tổ đời trước truyền lại đặt *vô niệm* là niệm tông (tông chỉ), lấy vô tướng làm thể, vô trụ làm gốc. *Vô tướng* là đối với tướng, thấy có tướng đó, mà lìa khỏi tướng, *vô niệm* là đối với mỗi nghĩa có nghĩ đó mà không chấp trước cái có nghĩ; *vô trụ* là cái bản tính của người đối với

¹ Xá Lợi Phất : Tên chữ Phạn là Sariputra, người nước Ma Kiệt Đà (Trung ấn Độ) thuộc dòng dõi Bà La Môn, sau trở thành một trong 10 đại đệ tử của Phật, được coi là bậc trí tuệ đệ nhất. Một hôm Xá Lợi Phất nhập định trong rừng. Ngài Duy Ma Cật đến, bảo rằng : "Ông ngồi như thế là ngồi lạng thình dấy chứ !".

² Duy Ma Cật : Tên chữ Phạn là Vimalakirti, người thành Tì Da Li, thời Phật Thích Ca tại thế ông tu hành tại gia tới bậc Bồ tát.

hết thấy mọi sự thiện ác, tốt xấu của thế gian, cho đến những lúc kẻ oán người thân, nói năng châm chọc, lừa lọc tranh giành, đều coi là không, chẳng nghĩ báo hại. Trong từng niệm niệm chẳng nghĩ đến cảnh trước. Nếu mỗi niệm trước, mỗi niệm giờ, mỗi niệm sau, nối tiếp luôn luôn không dứt, thế là trói buộc. Đối với mọi pháp luôn luôn chẳng trụ, tức là không bị trói buộc thế là lấy vô trụ làm gốc.

Này các thiện trí thức ! Ngoài là hết thấy mọi tướng, thế là vô tướng. Hay là được tướng thì pháp thể thanh tịnh, thế là vô tướng làm thể.

Các thiện trí thức ơi ! Đối với mọi cảnh, tâm chẳng nhiễm là vô niệm. Trong chỗ tự niệm, thường là mọi cảnh không hề đối cảnh mà sinh tâm. Nếu chỉ chẳng hề nghĩ qua một sự gì, trừ hết mỗi niệm, một niệm tuyệt là chết ngay phải thụ sinh nơi khác, thế là lầm lớn, kẻ học đạo phải nghĩ đi, nếu chẳng hiểu ý giáo pháp, tự làm lầm mình, đã có hại lắm, đi khuyên người khác hại mới vô cùng. Tự mê chẳng tỏ, lại báng kinh Phật. Vì thế nên lập vô niệm làm tông.

Này các thiện trí thức ! Lập vô niệm làm tông là thế nào ? Đó là vì kẻ mê mà miệng nói là tỉnh, đối với cảnh có niệm, niệm liền khởi tà kiến, hết trần lao vọng tưởng từ đó sinh ra. Tự tính nguyên không có một pháp nào có được cả. Nếu cho là có điều gì có thể hình dung hoặc nói ra bằng lời được thì chẳng qua là lời nói xằng bậy về chuyện họa phúc, đó tức là trần lao tà kiến. Vì thế nên tông này lập vô niệm làm tông.

Các thiện trí thức ơi ! Vô là vô sự gì, niệm là niệm vật gì ? Vô là không có đến hai tướng¹, không cái tâm có mọi trần lao. Niệm là niệm chân như bản tính, chân như là cái thể của niệm, niệm là công

¹ Không có đến hai tướng tức Vô nhị tướng : Không phân biệt giữa đồng tướng và dị tướng, nhận thức hết thấy các pháp đều là sự biểu hiện của tự tính chân như bình đẳng.

dụng của chân như. Tự tính chân như khởi niệm, không phải là cái mắt, tai, mũi, lưỡi hay niệm được. Chân như có tính cho nên khởi niệm. Nếu không chân như, tai, mắt, sắc thanh tức thì tan nát.

Các thiện trí thức ơi ! Tự tính chân như khởi niệm, sáu căn tuy có thấy nghe hay biết mà chẳng nhiễm muôn cảnh mà chân tính thường tự tại, cho nên kinh nói rằng : "Hay khéo phân biệt hình tướng của mọi pháp, đối với cái nghĩa thứ nhất chẳng hề có động".

V. PHẨM TỌA THIÊN

Đại sư bảo đại chúng rằng :

- Phép ngồi thiền của môn này, nguyên chẳng xem tâm, cũng chẳng xem cái thanh tịnh, cũng chẳng phải là bất động. Nếu nói là xem tâm, tâm nguyên là vọng. Biết tâm như trò rối, cho nên không có xem gì cả. Nếu nói là xem cái tịnh thì tính người ta nguyên vẫn thanh tịnh, chỉ vì vọng niệm che lấp mất chân như, hễ không vọng tưởng, tính tự thanh tịnh. Khởi tâm để xem cái thanh tịnh liền sinh ra cái tính mê vọng. Vọng không có xứ sở, kẻ xem là vọng. Thanh tịnh không có hình tướng, nay đặt ra một hình tướng thanh tịnh, bảo thế là công phu. Sự thấy biết như thế, là chướng mắt bản tính mình, bị cái thân thanh tịnh hão kia nó trói buộc.

Các thiện trí thức ơi ! Muốn tu cái pháp bất động, thì khi tiếp xúc với bất cứ người nào đều không để tâm xem xét người ấy là đúng, sai, thiện, ác, có công, tội thế tức là tự tính bất động.

Này các thiện trí thức ! Người mê thân tuy chẳng động, mà mở miệng là nói những sự ngăn, dài, tốt, xấu của người thế là trái hẳn với đạo. Vậy biết xem tâm, xem cái thanh tịnh, tức là chướng đạo vậy.

Các thiện trí thức ơi ! Thế nào là *toạ thiền* ? Trong pháp môn này, không chướng không ngại, ngoài đối với hết thấy cảnh giới thiện ác không khởi tâm nghĩ, thế là *toạ*. Trong thấy tự tính bất động thế là *thiền*.

Này các thiện trí thức ! Thế nào là *thiền định* ? Ngoài lìa mọi tướng là thiền, trong chẳng rối loạn là định. Nếu chấp trước hình tướng ngoài thì trong tâm loạn ngay. Bằng lìa hết thấy tướng ngoài rồi thì tâm liền chẳng loạn. Bản tính tự thanh tịnh, tự yên định, chỉ vì thấy cảnh, nghĩ cảnh liền loạn ngay. Nếu thấy mọi cảnh mà tâm chẳng loạn, thế mới thật là định.

Các thiện trí thức ơi ! Ngoài lìa hình tướng tức là thiền, trong chẳng rối loạn tức là định. Ngoài thiền trong định thế là *thiền định*. Bồ Tát giới kinh nói rằng : Bản tính ta nguyên tự thanh tịnh.

Này các thiện trí thức ! Trong chỗ niệm niệm tự thấy bản tính thanh tịnh, tự tu, tu hành, tự thành Phật đạo.

VI. PHẨM SÁM HỐI

Lúc đó Đại sư thấy sĩ dân Quảng Châu, Thiều Châu và bốn phương họp cả ở trong núi nghe pháp, mới lên toà ngồi bảo chúng rằng :

- Các thiện trí thức ơi ! Lại đây ! Sự này cần phải phát khởi trong tự tính ra, bất cứ lúc nào luôn luôn tự thanh tịnh tâm, tự tu công hạnh, thấy rõ pháp thân của mình, thấy rõ Phật tự tâm mình; tự độ, tự giới, thì mới không cần tới đây. Nay từ xa họp cả lại đây đều là cùng có duyên cả. Vậy nay ai nấy đều quỳ dài để ta truyền cho Năm phần hương pháp thân của tự tính trước thứ sẽ trao cho phép vô tướng sám hối.

Đại chúng nghe đều quỳ xuống. Đại sư nói :

- Một là *giới hương* tức là ở trong tâm mình, không trái không ác, không ghen ghét, không tham sân, không cướp hại thế là giới hương. Hai là *định hương*, tức là thấy mọi cảnh tướng thiện ác tâm mình chẳng loạn, thế là định hương. Ba là *tuệ hương*, tức là tự tâm vô ngại, thường dùng trí tuệ quán chiếu tự tính chẳng làm mọi sự ác. Tuy tu mọi sự thiện mà tâm chẳng chấp trước, kính trên nhường dưới, thương xót kẻ cô cút bần cùng, thế là tuệ hương. Bốn là *giải thoát hương*, tức là tự tâm không nghĩ lan man, chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, tự tại vô ngại, thế là giải thoát hương. Năm là *giải thoát tri kiến hương*, tức là tự tâm không có thiện ác lan man, lại chẳng chìm lịm ở nơi không bắt, cần phải học rộng, nghe nhiều, nhận rõ được bản tâm mình, suốt được chân lý của Phật, trộn mình vào với mọi người để tiếp dẫn người, không ngã không nhân, chẳng tới Bồ Đề, chân tính chẳng thay đổi, thế là giải thoát tri kiến hương.

Các thiện trí thức ơi ! Hương đó là tự ai nấy tự xông ướp lấy ở trong, chứ đừng tìm kiếm ở ngoài. Nay ta lại trao cho các ông pháp vô tướng sám hối diệt hết tội tam thế, khiến cho ba nghiệp¹ được thanh tịnh. Vậy các thiện trí thức ai nấy cứ nghe ta nói mà cùng nói theo : "Chúng con từ niệm trước niệm này cho đến niệm sau, niệm niệm chẳng bị ngu mê ô nhiễm, bao nhiêu tội lỗi ác nghiệp ngu mê đã gây nên từ trước đều sám hối hết, nguyện cho tiêu diệt cả một một lúc, vĩnh viễn chẳng nổi lên nữa. Chúng con từ niệm trước niệm này cho đến niệm sau chẳng bị kiêu ngạo đối trá làm ô nhiễm, bao nhiêu tội lỗi ác nghiệp kiêu ngạo đối trá đã gây nên từ trước, đều sám hối hết, nguyện cho tiêu diệt cả trong một lúc, vĩnh viễn

¹ Ba nghiệp : Thân nghiệp, Khẩu nghiệp, ý nghiệp.

chẳng nổi lên nữa. Chúng con từ niệm trước niệm này cho đến hết niệm sau, niệm niệm chẳng bị thói ghen ghét làm ô nhiễm, bao nhiêu tội lỗi ác nghiệp ghen ghét từ trước đã làm đều sám hối hết, nguyện cho tiêu diệt hết ngay trong một lúc, vĩnh viễn chẳng nổi lên nữa".

Này các thiện trí thức ! Trở lên là phép vô tướng sám hối đó. Thế nào là *sám* ? Thế nào là *hối* ? Sám là rửa sạch lỗi trước, bao nhiêu tội ác nghiệp ngu mê, kiêu ngạo, dối trá, ghen ghét đã gây ra từ trước đó đều sám hối hết, vĩnh viễn chẳng nổi lên nữa. Thế gọi là sám. Hối là e dè lỗi sau, từ nay trở đi, bao nhiêu tội lỗi ác nghiệp, ngu mê kiêu ngạo, dối trá ghen ghét, đã làm ra nay đã giác ngộ vĩnh viễn đoạn hẳn, chẳng trở lại nữa, thế gọi là hối. Vì những lẽ đó mà kêu là *sám hối*¹. Phàm phu ngu mê, chỉ biết sám các lỗi trước, chẳng biết hối các lỗi sau. Vì chẳng biết hối nên tội trước chẳng mất, lỗi sau lại sinh. Tội trước đã chẳng mất, lỗi sau lại sinh ra thì còn gọi là sám hối thế nào được !

Các thiện trí thức ơi ! Sám hối xong rồi, nay ta lại cùng các thiện trí thức phát bốn thế nguyện lớn², ai nấy phải dụng tâm mà nghe cho đúng. Chúng sinh trong tự tâm nhiều vô biên, thế nguyện độ hết, phiền não trong tự tâm vô tận, thế nguyện đoạn hết; Pháp môn trong tự tâm vô lượng thế nguyện học hết. Đạo Phật của tự tính vô thượng thế nguyện tu nên.

¹ Sám hối: Tiếng Phạn là Ksamayati, phiên âm chữ Hán là Sám ma : Tội lỗi và cầu mong được tha thứ.

² Bốn thế nguyện lớn (tứ hoàng thế nguyện) : Là 4 điều phát nguyện lớn đầu tiên của các bậc Bồ tát. So với lời giải thích trong sách "Cửu quán đại ý" của Trạm Nhiên đời Đường thì 4 điều phát nguyện của Huệ Năng Đại sư đều có thêm 2 chữ "tự tính". Đây là một yếu chỉ của Tâm địa pháp môn của Thiền tông.

Này các thiện trí thức ! Ai chẳng thường nói rằng chúng sinh vô biên thế nguyên độ, nói thế thôi, như ta thì có độ được ai ?

Các thiện trí thức ơi ! Chúng sinh trong tâm là những tâm tà mê, tâm giả dối, tâm bất thiện, tâm ghen ghét, tâm ác độc... Những thứ tâm đó thấy là chúng sinh, ai nấy cần phải của mình mình độ, thế là độ thật. Thế nào là tự tính của mình, mình độ ? Nghĩa là đem ngay cái chính kiến, mà độ cho những chúng sinh tà kiến, phiền não, ngu si trong tự tâm. Đã có chính kiến thì khiến cái chí Bát nhã đập tan ngu si mê vọng chúng sinh, ai nấy đều tự độ lấy. Tà lại lấy chính mà độ, ngu lại lấy trí mà độ, ác lại lấy thiện mà độ, kẻ độ như thế gọi là độ thực. Lại như phiền não vô tận nguyên đoạn nghĩa là đem cái trí Bát nhã trong tự tính mà trừ sạch cái tâm tư tưởng hư vọng vậy. Lại nữa, pháp môn vô lượng thế nguyên học, nghĩa là cần tự thấy tỏ tính mình thường làm đúng chính pháp, thế gọi là học thực. Lại nữa, đạo Phật vô thượng thế nguyên thành, nghĩa là đã thường hay bắt buộc cái tâm làm sự chân chính là cả mê là cả giác, thường sinh Bát nhã trừ chân trừ vọng, liền tỏ tính Phật, thế là nghe đoạn, là thành Phật đạo. Thường niệm tu hành là pháp nguyên lực.

Này các thiện trí thức ! Nay đã phát bốn thế nguyên lớn rồi lại trao cho các thiện trí thức tam quy y giới.

Các thiện trí thức ơi ! Quy y *giác* là bậc chí tôn có đủ cả phúc lẫn tuệ. Quy y *chính* là bậc tôn kính xa lìa trần dục trong quần chúng. Quy y *Tịnh* là bậc tôn kính của cả người và trời. Từ nay trở đi gọi giác là thầy, quyết không quy y tà ma ngoại đạo, lấy tự tính tam bảo thường trụ chứng minh. Vậy khuyên các thiện trí thức quy y tự tính tam bảo. *Phật* là *giác*, *pháp* là *chính*, *tăng* là *tịnh*. Tự tâm quy y giác chẳng sinh tà mê ít muốn biết đủ, xa lìa tài sản, thế gọi

là lưỡng tức tôn (đấng cao cả đủ cả phúc lẫn tuệ). Tự tâm quy y chính, niệm niệm không tà kiến. Vì không có tà kiến nên liền không có tính nhân ngã bậc bậc làm cao tham ái chấp trước, nên gọi là ly dục tôn (đấng cao cả lìa khỏi dục vọng). Tự tâm quy y tịnh, hết thấy cảnh giới trần lao ái dục, tự tính đều chẳng dây dóm, nên gọi là chúng trung tôn (đấng cao cả trong quần chúng). Nếu biết tu hạnh này tức là tự qui y (quy y tự tính). Phạm phu chẳng hiểu đó là phép quy y vô tướng, nên suốt ngày đến đêm chỉ cầu thụ giới tam qui. Nếu nói là quy y Phật thì Phật ở đâu ? Nếu chẳng thấy Phật thì quy y vào ai ? Nói ra đã là vọng rồi.

Các thiện trí thức ơi ! Ai nấy phải tự quan sát đừng dụng tâm sai, trong kinh nói rõ ràng rằng : "Tự quy y Phật" chẳng nói là quy y Phật khác. Phật nhà chẳng quy không chỗ nào nương tựa. Nay đã tự ngộ, ai nấy đều quy y tự tâm tam bảo. Trong điều hoà tâm tính, ngoài kính quy người khác, thế là *tự quy y* vậy.

Này các thiện trí thức ! Đã quy y tam bảo xong, ai nấy đều dốc lòng, ta sẽ nói rõ cái lý nhất thể tam thân tự tính Phật, khiến cho các ông thấy được tam thân rõ ràng tự ngộ tự tính. Mọi người hãy xướng đọc theo ta :

Quy y thanh tịnh pháp thân Phật ở trong cái sắc thân mình

Quy y viên mãn báo thân Phật ở trong cái sắc thân mình.

Các thiện trí thức ơi ! Sắc thân là cái nhà chẳng thể nói quy được. Từ trước tam thân Phật vẫn ở trong tự tính. Người đời đều có cả, chỉ vì tự tâm mê, chẳng thấy được tính trong. Người đời đều có cả, đi tìm tam thân Như Lai ở ngoài, chẳng thấy chính trong thân mình có tam thân Phật. Các ông hãy nghe ta nói sẽ khiến cho các ông thấy trong tự tính trong thân mình có tam thân Phật. Tam thân

Phật đó từ nơi tự tính sinh ra. Nghĩ ngợi hết thấy sự ác liền sinh hạnh ác. Nghĩ ngợi hết thấy sự lành liền sinh hạnh thiện. Mọi pháp như thế ở trong tự tính, như trời thường trong, mặt trăng thường sáng, chỉ vì mây nổi che lấp trên sáng dưới tối. Bỗng được gió thổi mây tan, trên dưới đều sáng, muôn tượng đều hiện rõ ra.

Này các thiện trí thức ! Trí như mặt trời, tuệ như mặt trăng. Trí tuệ thường sáng, vì dính líu cảnh ngoài, bị các đám mây vọng niệm nó che lấp chân tính, chẳng sáng rõ lên được. Nếu gặp thiện trí thức, được nghe pháp chân chính, tự trừ mê vọng, trong ngoài sáng suốt, muôn pháp đều hiện rõ ràng ở trong tự tính. Con người tỏ tính cũng y như thế, thế gọi là thanh tịnh pháp thân Phật.

Các thiện trí thức ơi ! Tự tâm quy y tự tính, thế là qui y chân Phật. Tự qui y nghĩa là trừ sạch được những cái tâm bất thiện, tâm ghen ghét, tâm nịnh nọt, tâm ta đây, tâm đối xằng, tâm khinh người, tâm rẻ người, tâm tà kiến, tâm bác bực làm cao, và hết thấy những hạnh bất thiện trong hết thấy thời gian. Phải luôn luôn tự mình ăn năn hối lỗi, không nói chuyện phải trái, xấu tốt của người khác, thế là tự quy y. Phải luôn khiêm nhường, cung kính với hết thấy mọi người. Đó chính là thấy tự tính, thông suốt hết thấy, trong tâm không còn vướng mắc gì nữa, thế là tự quy y.

Thế nào là viên mãn báo thân ? Ví như ngọn đèn trừ được cái nhà tối ngàn năm, một trí tuệ hay diệt được cái ngu muôn năm, dùng nghĩ về trước, làm lỗi rồi chẳng thể có nữa, thường nghĩ về sau. Niệm niệm tròn sáng, tự tỏ bản tính. Thiện ác tuy khác, bản tính là một. Cái tính là một đó gọi là tính thực. ở trong cái tính thực đó, chẳng nhiễm thiện ác, thế là viên mãn báo thân Phật. Tự tính khởi một niệm ác, diệt mất nhân thiện ngàn muôn kiếp. Tự tính khởi một niệm thiện sạch hết hàng sa tội ác thẳng tới vô

thượng Bồ Đề. Niệm niệm tự thấy tỏ chẳng bỏ mất bản niệm, thế gọi là báo thân.

Thế nào là thiên bách ức hoá thân ? Nếu chẳng nghĩ đến vạn pháp, tính nguyên như hư không. Một niệm nghĩ ngợi, thế gọi là biến hoá. Nghĩ ngợi sự ác, hoá ra địa ngục. Nghĩ ngợi việc thiện hoá ra thiên đường. Độc hại hoá ra rồng rắn. Từ bi hoá ra Bồ tát. Trí tuệ hoá ra thượng giới¹. Ngu si hoá ra hạ phương². Tự tính biến hoá rất nhiều, người mê chẳng thể xét biết, niệm niệm khởi ác, thường làm ác đạo. Trở lại một niệm thiện liền sinh ra trí tuệ, thế gọi là tự tính hoá thân Phật. Từ nơi báo thân nghĩ ngợi tức là hoá thân Phật. Tự ngộ tự tu, cái công đức của tự tính thế là quy y thực. Da thịt là sắc thân, sắc thân là nhà ở, chẳng nói là quy y được. Hễ ngộ được tự tính tam thân, liền biết được tự tính Phật. Ta có một bài tụng vô tướng, nếu ai tụng trì được thì nghe đoạn là tiêu diệt được hết mê tội bao kiếp của các ông.

Bài tụng rằng :

Người ngu chẳng tu đạo mầu,

Chỉ bảo tu phúc là cầu đạo thôi.

Cúng dàng bố thí vô hồi,

Mà ba món độc tâm thời gây luôn.

Tưởng rằng tu phúc tội tan,

Kiếp sau được phúc tội còn y nguyên.

Nhè tâm trừ sạch tội duyên,

¹ Thượng giới tức chư thiên gồm ; Dục giới thiên, Sắc giới thiên, Vô sắc giới thiên.
² Hạ phương tức tam đồ gồm : Địa ngục, ngạ quỷ (quỷ đói), súc sinh.

Là sám hối thực ở nguyên tính mình.
Đại thừa tỏ được lý tính,
Trừ tà làm chính sạch sanh tội liên.
Cứ nơi tự tính quán chuyên,
Tức như chư Phật chẳng thiên lệch gì.
Tổ truyền đốn pháp phải ghi,
Nguyên cùng tỏ chính quy về thế chân.
Rồi đây muốn kiếp pháp thân,
Là hết pháp tướng rửa tâm sạch lâu.
Gắng công tỏ tính cho mau,
Một niệm sau dứt còn đâu là đời !
Đại thừa kiến tính tỏ rồi,
Đốc lòng cung kính tìm tòi cho ra.

Đoạn Đại sư lại nói :

- Các thiện trí thức ! Các vị hãy đọc thuộc bài Tụng ấy, y theo
đấy mà tu hành, nghe đoạn là tỏ tính, thì dù ở xa ta hàng ngàn dặm
cũng như ở luôn bên mình ta. Nếu nghe mà chẳng ngộ, thì ngồi
trước mặt đó cũng như cách ngàn dặm rồi, tội gì mà đi xa cho nhọc
xác ? Các vị hãy trân trọng bản thân mình, ra về gặp nhiều thuận
lợi!

Chúng nghe pháp rồi ai lấy đều tỏ ngộ, vui vẻ vâng lời.

VII. PHẨM CƠ DUYÊN

Đại sư từ khi được pháp ở Hoàng Mai trở về thôn Tào Khê thuộc Thiều Châu không người nào biết cả. Lúc đó có một vị Nho sĩ tên là Lưu Chí Lược đãi Ngài rất lễ độ trung hậu. Chí Lược có một bà cô là Tỷ khiêu ni Vô Tận Tạng, thường tụng kinh Đại Niết Bàn. Đại sư chỉ nghe qua một lượt biết ngay nghĩa mầu mới giảng nghĩa cho nghe. Một hôm sư bà cầm sách kinh đến hỏi chữ, Đại sư nói :

- Chữ thì không biết, nghĩa cứ việc hỏi.

Sư bà nói :

- Không biết được chữ sao hiểu được nghĩa ?

Đại sư nói :

- Cái lý mầu nhiệm của chư Phật chẳng có quan hệ gì đến văn tự cả.

Sư bà lấy làm lạ bảo khắp các bậc tuổi cao đức trọng ở trong làng rằng :

- Vị này là một bậc có đạo, phải nên cúng dàng.

Có một người chất Ngụy Vũ Hầu tên là Tào Thúc Lương và dân vùng ấy đua nhau lại thăm kinh. Khi đó ngôi chùa Bảo Lâm là một ngôi chùa cổ, qua cơn binh lửa cuối đời nhà Tùy đã bị phá đổ tan tành, sĩ dân vùng ấy lại tu tạo một ngôi chùa mới lên trên cái nền cũ đó rồi rước Đại sư đến ở, chỉ trong ít ngày đã thành một nơi sầm uất. Đại sư ở đó được hơn chín tháng, lại bị ác đảng tìm đến. Đại sư ẩn ở núi trước, bị chúng phóng hoả đốt rừng núi. Đại sư nhớ lời Ngũ Tổ dặn rằng : “Gặp Hoài thì dừng, gặp Hội thì nép”, nên mới ẩn ở hai ấp Hoài Tập và Tứ Hội đó.

Tỷ khiêu Pháp Hải, người Khúc Giang thuộc Thiều Châu mới vào xam (tham yết) Tổ hỏi rằng :

- Thế nào là *túc tâm tức Phật* ?

Đại Sư nói :

- Mỗi niệm trước chẳng sinh *túc tâm*, mỗi niệm sau chẳng diệt *túc* là Phật. Tác thành hết thấy tướng là *tâm*, lìa ra hết thấy tướng là Phật. Nếu nói cho hết thì bao nhiêu kiếp cũng chẳng hết, hãy nghe bài kệ của ta đây :

- *Túc tâm là Tuệ, tức Phật là Định, Định Tuệ cân xứng, trong ý thanh tịnh, ngộ pháp môn đó, bởi tính tu tập của anh. Công dụng nguyên không có chỗ nào là sinh, cứ tu cả hai phần là đúng.*

Pháp Hải nghe nói cả ngộ, mới làm một bài kệ tán rằng:

- *Túc tâm tức là Phật, chẳng ngộ là tự chịu khuất nhục. Tôi biết nhân Định Tuệ rồi, xin tu cả hai phần mà lìa hết mọi vật.*

Tỷ khiêu Pháp Đạt, người ở Hồng Châu, bảy tuổi xuất gia, thường tụng kinh Pháp Hoa, lại xam lễ Tổ, đầu chẳng sát đất. Tổ mắng rằng :

Lễ chẳng sát đất, chẳng lễ còn hơn. Hẳn là trong tâm anh có một cái gì hay vẫn tập một sự gì nó làm chướng chằng ?

Thưa rằng :

- Tụng kinh Pháp Hoa đã tới ba ngàn bộ.

Tổ nói :

- Anh tụng đến được vạn bộ, hiểu được ý kinh chẳng cho là giỏi, thì cùng đi với ta được. Nay anh chỉ cậy có một sự nghiệp đó, mà chẳng biết lỗi ư, hãy nghe bài kệ của ta đây :

"Lẽ cốt trừ kiêu mạn, sao đâu chẳng sát đất. Có ngã sinh tội ngay, quên công phúc mới lớn".

Đoạn Tổ lại hỏi :

Anh tên là gì ?

Thưa rằng :

- Pháp Đạt.

Tổ nói :

- Anh tên Pháp Đạt có đạt pháp đâu, lại nghe bài kệ đây :

"Tên anh gọi Pháp Đạt, chăm chú tụng kinh không ngớt, tụng xuống kêu tiếng hã, sáng lòng là Bồ tát. Nay anh có túc duyên, ta bảo anh tường tát. Tin Phật không nói gì, hoa sen trong miệng bật".

Pháp Đạt nghe kệ hối hận, tạ rằng :

- Từ nay trở đi con xin một dạ khiêm cung, con tụng kinh Pháp

Hoa chưa hiểu nghĩa kinh, lòng thường ngờ vực, Hoà thượng trí tuệ rộng lớn, xin nói qua nghĩa lý trong kinh cho con được nghe.

Đại Sư nói :

- Pháp Đạt! Phật rất thông đạt, chỉ có tâm chẳng đạt, kinh nguyên không ngờ, tâm anh tự ngờ. Anh niệm kinh ấy lấy cái gì làm tôn chỉ?

Đạt nói :

- Con căn tính ám độn, xưa nay chỉ biết y văn tụng niệm, có biết tôn chỉ là gì đâu.

Đại Sư nói :

- Ta chẳng biết văn tự, anh thử đem kinh tụng một lượt xem, ta sẽ giải thích cho anh nghe.

Pháp Đạt liền cất tiếng tụng kinh rõ ràng. Khi tụng đến phẩm *Thí dụ*, Đại sư nói :

- Thôi ! Nguyên lai kinh này lấy ở cái nhân duyên ra đời làm tôn chỉ, dù có nói ra nhiều câu thí dụ cũng không ra ngoài một ý đó. Thế nào là nhân duyên ? Trong kinh nói rằng chư Phật Thế Tôn chỉ vì một nhân duyên đại sự mà xuất hiện ra đời. Đại sự đó là gì ? Tức là cái tri kiến của Phật vậy. Người đời ngoài thì mê về chấp trước hình tướng, trong thì mê về chấp trước cái không. Nếu hay đối với tướng lìa khỏi tướng, đối với không lìa khỏi không, thế tức là trong ngoài chẳng mê. Nếu ngộ được pháp ấy, một niệm tâm mở mang (khai) thế là mở mang được tri kiến của Phật. Phật cũng như giác, chia làm bốn môn là : *Khai giác tri kiến, thị giác tri kiến, ngộ giác tri kiến, nhập giác tri kiến*. Nếu nghe phép khai thị (mở báo) liền ngộ vào ngay liền tỏ tri kiến, chân tính nguyên có liền xuất hiện ra. Anh đừng hiểu lầm ý kinh. Thấy nói khai thị ngộ nhập cho là tri kiến của Phật, chúng ta không có phần nào. Nếu hiểu như thế tức là hủy báng kinh nhà Phật. Phật đã là Phật, đã đủ tri kiến rồi việc gì lại phải khai. Nay anh nên tin rằng: Cái tri kiến của Phật đó chỉ là cái tự tâm của anh chứ chẳng có Phật nào khác. Bởi vì hết thấy chúng sinh tự bùng che mất ánh sáng, tham mến trần cảnh, ngoài bị lôi kéo, trong bị quấy rối, đành phải chịu nó ruối rong, vì thế mới làm nhọc nhằn. Đức Thế Tôn kia từ nơi chính định đứng dậy nói mỗi cả miệng để khuyên người ta biết ngăn lấp đi, chẳng chạy bên ngoài, liền như Phật vậy. Vì thế nên nói là khai Phật tri kiến. Ta cũng khuyên bảo hết thấy người đời, luôn luôn khai tri kiến Phật ở trong tâm mình đi. Tâm người đời cong queo ngu mê gây nên tội, miệng thiện tâm ác, tham sân ghen ghét, nịnh nọt kiêu ngông, lẩn người hại vật, tự khai cái tri kiến chúng sinh ra. Nếu hay giữ tâm

cho chính đỉnh thường sinh trí tuệ quán chiếu tâm mình, ngăn cản làm thiện, thế là tự khai cái tri kiến Phật. Anh phải luôn luôn khai tri kiến Phật đừng có khai cái tri kiến chúng sinh, khai tri kiến Phật tức là xuất thế, khai tri kiến chúng sinh tức là thế gian. Nếu anh chỉ sa sả chấp sự tụng niệm làm cái công khoá thì có khác gì con mao ngư yêu tiếc cái đuôi.

Đạt thưa : "Nếu như vậy thì chỉ cần hiểu nghĩa chẳng cần tụng kinh nữa ư ?". Đại Sư nói : "Kinh có lỗi chi, đâu có làm chướng mối niệm của anh, chỉ vì mê ngộ tại người, lợi hại bởi mình, miệng tụng tâm hành, tức là chuyển kinh. Miệng niệm tâm chẳng hành tức là bị kinh chuyển. Hãy nghe bài kệ của ta đây :

Tâm mê Pháp Hoa chuyển, Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa.

Tụng kinh mãi chẳng hiểu, Oan gia với nghĩa và.

Vô niệm, niệm liền chính, Có niệm, niệm thành tà.

Có không đều mặc kệ, Dong mãi Bạch ngư xa¹

Đạt nghe kệ rồi dưng dưng phát khóc và cả ngộ ra mà bạch Đại sư rằng :

- Con từ xưa tới nay thực là chưa từng được Pháp Hoa, mà chỉ bị Pháp Hoa nó chuyển. Đoạn lại bạch rằng :

- Trong kinh nói các bậc đại Thanh văn cho chí Bồ tát đều cùng hết sức nghĩ cùng đo lường chẳng hay lường được cái chí của Phật, nay khiến cho kẻ phàm phu ngộ tự tâm, thế là cái tri kiến Phật. Như thế trừ bậc thượng căn, mấy ai mà chẳng nghi ngờ huỷ báng. Lại

¹ Bạch ngư xa (xe trâu trắng) : Ví tự tính như cỗ xe đến Giác ngộ (Phật thừa).

như trong kinh nói ba thứ xe là Dương xa, Lộc xa, Ngưu xa¹ và Bạch ngưu xa là phân biệt cái gì ? Xin Hoà thượng lại rủ lòng chỉ bảo cho.

Đại sư nói :

- Ý kinh rõ ràng, riêng anh tự mê trái. Các người trong tam thừa chẳng hay lường được trí Phật là mắc ở chỗ so lường, dù cho họ hết sức suy lường cũng chỉ càng thêm xa cách. Phật nói là nói cho kẻ phàm phu, có phải Phật nói cho Phật đâu, nếu chẳng tin được lẽ đó, mặc kệ cho họ bỏ tiệc đi; có hay đâu rằng chính mình đang ngồi cỗ Bạch ngưu xa lại bỏ đi tìm ba cỗ xe khác ở ngoài cửa. Hơn nữa trong rõ ràng chỉ cho anh biết : Chỉ có một Phật thừa không có thừa nào khác nữa. Nói một, nói hai, cho đến vô số phương tiện, các món nhân duyên thí dụ nói năng, pháp đó đều là pháp để đi tới Phật thừa cả. Sao anh chẳng xét : Ba xe là giả là nói cho từ thuở xưa, một thừa là thực, là nói cho ngay lúc này, chỉ cần anh bỏ giả về thực, sau khi về thực rồi, cái tên thực kia cũng không có nữa. Nên biết bao nhiêu của báu, đều là của anh mặc anh tiêu dùng, dùng có tướng là cha (Phật) cũng dùng tướng là con (chúng sinh), cũng không có cả chỗ dùng trí tướng nữa, thế là trì kinh Pháp Hoa, từ kiếp này sang kiếp khác, tay chẳng rời kinh, từ ngày tới đêm không lúc nào là lúc chẳng niệm vậy.

Đạt được nhờ Tổ mở mang mừng rỡ nhảy nhót, làm một bài kệ tán rằng :

¹ Dương xa (xe dê) ví với Thanh văn thừa; Lộc xa (xe hươu) ví với Duyên giác thừa; Ngưu xa (xe trâu) ví với Bồ tát thừa. Nói chung chỉ thành quả độ thế của mỗi bậc ít hay nhiều.

*Tụng kinh ba ngàn bộ,
Tào Khê một câu hay.
Chưa tỏ ý xuất thế,
Sao khỏi rở bao đời.
Dương, lộc, nguỵ tạm đặt,
Nên trước giữa sau hay.
Ai biết trong nhà cháy,
Nguyên vẫn là Phật đây.*

Đại sư lại nói :

- Từ nay trở đi anh mới có thể gọi là nhà sư tụng kinh được.

Đặt từ đó lĩnh ngộ được ý chỉ thâm huyền.

Tỷ khiêu Trí Thông người An Phong thuộc Thọ Châu, trước xem kinh *Lãng Già*, chùng hơn ngàn lượt mà chẳng hiểu tam thân tứ trí là thế nào, mới tới lễ Tổ cầu chỉ cho rõ nghĩa.

Tổ nói :

- Tam thân là thanh tịnh pháp nhân, tức cái tính của anh; viên mãn báo thân tức cái trí của anh; thiên bách ức hoá thân tức cái hạnh của anh. Nếu tách bản tính ra, nói tam thân khác, tức là có thân không trí. Nếu ngộ tam thân không có tự tính, tức là tứ trí Bồ đề, hãy nghe bài kệ đây :

*Tự tính đủ tam thân,
Phát minh thành tứ trí.
Chẳng lìa duyên kiến văn,
Siêu thắng lên cõi Phật.*

*Ta nay nói cho hay,
Tin đúng chẳng bao mê.
Đừng học kẻ lơ vơ,
Suốt ngày nói Bồ đề.*

Thông lại bạch rằng :

- Còn nghĩa tứ trí, xin cho con được nghe nốt.

Tổ nói :

- Đã hiểu tam thân liền tỏ tứ trí còn hỏi làm gì nữa ! Nếu là tam thân nói riêng tứ trí thế là có trí không thân, lại thành không có trí.
Lại nói bài kệ rằng :

*Đại viên kinh trí tính thanh tịnh,
Bình đẳng tính trí tâm không bệnh.
Diệu quan sát trí tỏ không chấp,
Thành sở tác trí như viên kinh.
Ngũ, bát, lục, thất quả nhân chuyển,
Chỉ là danh ngôn không thực tình.
Nếu chẳng chấp trước ở chỗ chuyển,
Bộn bề vẫn ở nơi đại tịnh.*

Thông ngộ ngay tính trí mới trình một bài kệ rằng :

*Tam thân nguyên là thể của ta
Tứ trí chính tâm này soi sáng
Thân trí dong thông không chướng ngại
Tuỳ theo hình vật ứng tiếp khắp*

*Khởi ý tu sửa đều là vọng,
Giữ dật cũng chẳng thực là tình.
Nhờ thấy hiểu rõ được diệu chỉ,
Hết sạch được hẳn tên nhiễm ô.*

Tỷ khiêu Trí Thường người Quý Khê thuộc Tín Châu, xuất gia lúc còn để chỏm, quyết chí cầu được tỏ tính. Một hôm đến xam Tổ. Tổ hỏi :

- Anh ở đâu tới muốn cầu việc gì ?

Bạch rằng :

- Gần đây con tới Hồng Châu hầu Ngài Đại Thông Hoà thượng ở Bạch Phong Sơn được Hoà thượng chỉ bảo cho cái nghĩa tỏ tính thành Phật, nhưng lòng còn hoài nghi, nên từ xa lại đây lễ Tổ, mong rằng Tổ từ bi chỉ bảo cho.

Tổ bảo :

- Hoà thượng bảo anh thế nào thử nhắc lại xem.

Bạch rằng :

- Con đến nơi đó qua ba tháng trời chưa được nhờ ơn dạy bảo chỉ cả. Vì dốc một lòng cầu Pháp nên một đêm nọ một mình con vào nơi phương trượng xin hỏi, thế nào là cái bản tâm, bản tính của con ? Hoà thượng mới bảo rằng : anh có thấy chốn hư không kia không ? Thưa rằng có thấy - Anh thấy chốn hư không không hình còn có tướng mạo gì - ừ vậy thì cái bản tính của anh cũng như hư không, rành rành chẳng thấy có một vật gì cả, thế là chính kiến. Không có một vật gì có thể biết cả, thế là chân trí. Không có xanh vàng, dài ngắn, chỉ thấy nguồn gốc thanh tịnh thể giác tròn sáng,

tức là tỏ tính thành Phật, cũng gọi là tri kiến Như Lai. Con nghe lời dạy như vậy cũng vẫn chưa quyết hẳn được, xin Tổ mở bảo cho.

Tổ nói :

- Như lời vị Hoà thượng ấy nói cũng hãy còn tri kiến, cho nên khiến anh không hiểu biết hết, nay ta cho anh một bài kệ :

“Không thấy có một pháp nào, mà còn nhận thấy cái chỗ nhận thấy, là không thấy; cũng hết như đám mây nổi che kín cả mặt trời. Chẳng biết một pháp mà còn thấy mình biết có chỗ không, cũng như trong chốn trời quang mà nẩy chớp loè. Tri kiến như thế thốt nổi lên, thì hiểu lầm hết còn đâu biết được lẽ phương tiện. Đối một niệm đó anh biết là sai, thì cái tâm sáng suốt linh thông của anh thường hiển hiện”.

Trí Thường nghe kệ rồi tâm ý vỡ vạc, mới thuật một bài kệ rằng :

- “Tự nhiên vô cố khởi mối tri kiến, thế là chấp trước hình tướng mà cầu đạo Bồ Đề, ý riêng còn thấy có một niệm ngộ, như vậy thì có khác chi khi trước mê. Tự tính thấy tỏ bản thể giác, theo tri kiến chiếu ủng công phu. Như thế là mơ màng chạy cả hai ngã, chẳng thể vào trong nhà của Tổ sư được”.

Một hôm Trí Thường lại hỏi Tổ rằng :

- Phật nói phép tam thừa, lại nói pháp Tối thượng thừa con chưa hiểu được ý đó, xin Tổ dạy cho.

Tổ nói :

- Anh soi bản tâm anh đừng có chấp trước mọi pháp tướng ở ngoài, pháp không có bốn thừa, tâm người tự có sai khác. Thấy nghe chuyển tụng kinh điển là Tiểu thừa, ngộ pháp hiểu nghĩa là Trung thừa, y pháp tu hành là Đại thừa. Suốt hết muôn pháp, đầy đủ

môn pháp, chẳng nhiệm tí gì, lìa hết pháp tướng, không có một cái gì là sở đắc cả, thế là Tối thượng thừa. Thừa nghĩa là vận tải đi được thực, chứ chẳng phải ở chỗ cãi lấy được, anh phải tự tu, đừng hỏi ta nữa. Lúc nào cũng là trung đạo, tự tính tự đúng như thể chân như.

Thường lễ tạ và nguyện hầu Tổ suốt đời.

Tỷ khiêu Chí Đạo người ở Nam Hải thành Quảng Châu bạch rằng :

- Con từ khi xuất gia, xem kinh Niết Bàn, đã hơn 10 năm mà vẫn chưa rõ được đại ý, xin Tổ rủ lòng dạy bảo cho.

Tổ bảo:

- Anh chưa rõ chỗ nào ?

Thưa :

- Đoạn nói *cái hạnh vô thường là pháp sinh diệt, diệt cái sinh diệt rồi, tịch diệt là thú*. Con còn ngờ ở câu ấy.

Tổ hỏi :

- Anh ngờ cái gì ?

Thưa :

- Hết thấy chúng sinh đều có hai thân là sắc thân và pháp thân. Sắc thân vô thường có sinh có diệt, pháp thân có thường vô tri vô giác. Trong kinh nói diệt cái diệt đi rồi, tịch diệt là thú, chẳng hay cái thân nào tịch diệt, cái thân nào hứng thú ? Nếu bảo là sắc thân thì khi sắc thân diệt đi, tứ đại phân tán, hoàn toàn là khổ. Đã khổ chẳng thể nói là thú được. Nếu bảo là cái pháp thân nó tịch diệt, thì cũng như cây cỏ ngói đá, thì ai là người sẽ hưởng cái thú ấy ? Lại nữa, pháp tính là cái thể sinh diệt, ngũ uẩn là cái dụng sinh diệt. Một thể có 5 chỗ dụng sinh diệt là thường. Sinh là từ nơi thể phát

khởi công dụng; diệt là thu nhiếp công dụng trở về bản thể, nếu bảo rồi lại sinh nữa, tức là loài hữu tình kia chẳng đoạn chẳng diệt, nếu bảo chẳng lại sinh nữa thời vĩnh viễn tịch diệt, cũng như các vật vô tình. Như thế thì hết thấy mọi pháp bị Niết Bàn cấm hãm, sinh còn chẳng được làm chi có thú.

Tổ nói :

- Anh là con Phật sao lại học thuyết đoạn thường tà kiến của ngoại đạo, mà bàn phép Tối thượng thừa của Phật. Cứ như ý anh thì ngoài cái sắc thân lại có một cái pháp thân khác, là cái sinh diệt cầu cái tịch diệt, lại suy cái nghĩa thường lạc của Niết Bàn nói là có cái thân để hưởng thú. Đó là tiếc giữ sinh tử say đắm thú đời. Nay anh phải biết Phật vì hết thấy người mê nhận cái thân ngũ uẩn, hoà hợp làm thể tướng của mình, phân biệt hết thấy pháp là tướng ngoại trần, thích sống sợ chết, luôn luôn đổi rồi chẳng biết nó như mộng huyền hư giả, uống chịu luân hồi, đem cái thường lạc Niết Bàn biến ra tướng khổ, suốt ngày rong ruổi tranh cầu. Phật thương vì chỗ mê mới bảo cho cái thú Niết Bàn chân thực, Xát na không có tướng sinh, Xát na không có cái tướng diệt, không còn có cái sinh diệt nào để diệt đi nữa, thế thì cái tịch diệt nó hiện ra ngay. Đang lúc nó hiện ra đó, cũng không cả cái lượng thấy hiện ra nữa, thế là thường lạc. Cái lạc ấy không có kẻ thụ cũng không có kẻ chẳng thụ, còn làm gì có cái tên "một thể có năm dụng" (nhất thể ngũ dụng) nữa ư ! Huống chi lại nói Niết Bàn cấm hãm mọi Pháp, vĩnh viễn chẳng sinh, thế là báng Phật huỷ Pháp, hãy nghe bài đây :

Vô thượng đại Niết Bàn,

Tròn sáng lặng thường tỏ.

Phàm ngu cho là chết,

Ngoại đạo chấp tà đoạn.
Mọi người tu Nhị thừa,
Coi thế là vô tác.
Còn chấp nê phân biệt,
Do sáu mươi hai kiến.
Hư vọng lập giả danh,
Nào phải nghĩa chân thực!
Chỉ có bậc hơn người,
Thông đạt chẳng thủ xả.
Biết sắc tâm ngũ uẩn,
Ta chủ tế ở trong.
Bên ngoài hiện hình sắc,
Cùng với các âm thanh.
Hết thấy đều mộng ảo,
Phàm thánh chẳng phân biệt.
Không chấp nệ Niết Bàn,
"Hữu - vô, trước - nay - sau".
Sáu căn sinh đại dụng,
Phân biệt hết các pháp.
Nhưng chẳng phân biệt tâm,
Lửa kiếp thiêu khô biển,
Gió đập núi ào ào,
Vĩnh hằng vui tịch diệt,

*Niết Bàn là như thế !
Miễn cưỡng nói vài lời,
Hãy dẹp trừ tà kiến,
Chớ bám theo lời chữ,
Hiếu Phật đạo càng nhiều !*

Chí Đạo nghe kệ cả ngộ mừng rỡ, lễ tạ lui ra.

Hành Tư Thiền sư, nguyên họ Lưu, người ở Cát Châu, nghe tiếng pháp đàn Tào Khê giáo hoá thịnh vượng lắm mới lại xam lễ và hỏi rằng :

- Bạch thầy, muốn khỏi rơi vào lý thuyết của *Tiệm* giáo chủ trương giác ngộ dần dần từng bậc, thì phải làm gì ?

Tổ hỏi lại :

- Anh đã làm thế nào ?

Thưa rằng :

- Lời Phật dạy về tứ đế còn không tuân theo thì còn mê chấp gì ở thứ bậc nữa.

Tổ rất ưng là ngộ sâu, cho Tư đứng đầu lớp. Một hôm Tổ bảo rằng :

- Anh nên đi giáo hoá một phương, đừng để Đạo đứt mất.

Tư được pháp rồi về ở núi Thanh Nguyên thuộc Cát Châu, hoàng pháp giáo hoá, được vua cho tên hèm (thụy hiệu) là Hoàng Tế Thiền sư.

Hoài Nhượng Thiền sư, nguyên họ Kim, người ở Kim Châu, trước vào yết kiến An Quốc sư ở Tuy Sơn, Quốc sư khuyên sang xam Tào Khê, Nhượng đến nơi làm lễ. Tổ hỏi : Ở đâu tới ?

Thưa :

- Ở Tuy Sơn.

Tổ nói :

- Cái vật gì đem lại như thế ?

Thưa :

- Nói như một vật tức chẳng đúng.

Tổ hỏi :

- Còn có thể tu chứng được không ?

Thưa :

- Tu chứng cũng có đấy, nhiễm ô thì chẳng được ngay.

Tổ nói :

- Chỉ một cái chẳng niệm ô đó là cái của chư Phật đều hộ niệm, anh đã như thế, ta cũng như thế. Bát Nhã Đa La Tôn giả¹ đã có một câu sấm rằng : "Dưới chân anh sẽ hiện ra một vó ngựa (mã) xéo chết người thiên hạ", sẽ ở tâm người chẳng cần nói vội.

Nhượng vỡ vạc hiểu đúng, mới ở hầu Tổ 15 năm, mỗi ngày một tiến tới cõi sâu xa, sau sang Nam Nhạc, hết sức xiển dương Thiền tông, được vua sắc cho tên hèm là Đại Tuệ Thiền sư.

Huyền Giác Thiền sư, họ Đái, người ở huyện Vĩnh Gia, Ôn Châu rất tinh môn tu Chỉ quán² của tông Thiên Thai, nhân xem kinh Duy

¹ Bát Nhã Đa La Tôn giả : Tổ thứ 27 Thiền tông ấn Độ, truyền pháp cho Bồ Đề Đạt Ma (tổ thứ 28). Bồ Đề Đạt Ma sang Trung Quốc trở thành Tổ thứ 1 của Thiền tông Trung Quốc.

² Chỉ quán : Pháp môn tu Định, Tuệ hợp nhất. Thiên Thai tông là tông phái do Đại sư Trí Ngại đời Tuỳ sáng lập.

Ma phát minh được tâm địa, bỗng có đệ tử Tổ là Huyền Sách tới thăm cùng bàn nghĩa lý, ám hợp với chư Tổ. Sách nói :

- Nhân giả đặc pháp là học ai thế.

Đáp rằng :

- Tôi nghe các kinh luận phương đẳng, đều có thầy truyền, sau khi xem kinh Duy Ma, ngộ được tâm tông Phật, ngật vì chưa có ai chứng minh cho cả. Sách nói : Vào trước đức Uy Âm Vương ra đời thì được, còn từ đức Uy Âm Vương trở lại không thấy tợ ngộ đều là thiên nhiên ngoại đạo.

Thiền sư nói :

- Thế thì tôi xin nhân giả làm chứng cho tôi nhé ?

Sách nói :

- Lời tôi tầm thường, hiện nay có Lục Tổ Đại sư ở Tào Khê, bốn phương xum họp toàn người ngộ pháp cả, nếu Thiền sư muốn đi tôi cùng đi với.

Thiền sư ưng ý, cùng tới xem Tổ, nhiều Tổ ba vòng, đứng rung gây tâm xích. Tổ nói :

- Đã gọi là Sa môn phải đủ ba nghìn uy nghi, tám vạn tế hạnh, Đại đức tự đâu tới mà sinh lòng đại ngã mạn như thế ?

Thiền sư nói :

- Sinh tử là sự lớn vô thường nhanh chóng lắm.

Tổ nói :

- Sao chẳng thể hội lấy cái vô sinh mà liễu cái vô thường nhanh chóng kia đi.

Thiền sư nói :

- Thế đó tức là vô sinh, liễu thì còn đâu có chóng.

Tổ nói :

- Thực thế, chính như thế đấy.

Thiền sư nghe đoạn mới sắp áo kinh lễ, giây lát cáo từ. Tổ nói :

- Sao vội về quá thế ?

Thưa :

- Nguyên lai chẳng phải là có cử động còn làm chi có vội ư ?

Tổ nói :

- Ai biết cái chẳng phải là cái có cử động ấy.

Thưa :

- Chính nhân giả tự sinh lòng phân biệt.

Tổ nói :

- Anh hiểu được cái ý vô sinh lắm đấy.

Thưa :

- Vô sinh còn có ý gì nữa ư ?

Tổ nói :

- Không có ý thì cái gì phân biệt được.

Thưa rằng :

- Phân biệt cũng chẳng phải tại ý.

Tổ nói :

- Hay lắm ! Thầy hãy nán lại đây một tối !

Lúc đó mọi người gọi Huyền Giác là *Nhất Túc Giác*, sau Thiền sư làm bài *Chứng đạo ca* được đời ca tụng lắm. Vua sắc cho tên hèm là Vô Tướng Đại sư, đời sau tôn là Chân Giác Thiền sư.

Thiền sư Trí Hoàng, trước xam Ngài Ngũ Tổ, tự cho là mình đã được chính định rồi, ngồi lỳ trong am hơn 20 năm trời. Đệ tử Tổ là Huyền Sách du hành đến Hà Xóc nghe tên Hoàng mới tới am hỏi rằng :

- Ngài ở đây làm gì ?

Hoàng nói :

- Nhập định.

Sách nói :

- Ngài nói nhập định là có cái tâm nhập định hay là không có tâm nhập định. Nếu không có tâm nhập định thì hết thấy các giống vô tình cũng như cây cỏ gỗ đá đều được định hết. Nếu bảo là có tâm nhập định, thì hết thấy các giống hữu tình cũng được định hết.

Hoàng nói :

- Đang lúc ta nhập định, chẳng thấy có cái tâm có hay không nữa.

Sách nói :

- Chẳng thấy có cái tâm, có không tức là thường định, còn làm gì có xuất với nhập nữa. Nếu có xuất nhập thì chẳng phải là đại định.

Hoàng không trả lời được nữa, một lát hỏi rằng :

- Ngài học pháp của ai thế ?

Sách nói :

- Thấy tôi là Tào Khê Lục Tổ.

Hoàng nói :

- Ngài Lục Tổ lấy cái gì làm thiền định ?

Sách nói :

- Thấy tôi đã dạy : Màu nhiệm, lắng trong, tròn sáng, lặng bất, thể dụng đúng như chân như. Ngũ ấm nguyên là không, lục trần chẳng phải có, chẳng ra chẳng vào, chẳng định chẳng loạn. Thiền tĩnh vô trụ, phải lìa cái ý trụ vào cảnh Thiền tịch. Thiền tĩnh vô sinh phải lìa sinh ra mới thiền trường. Tâm như hư không, cũng không cả cái lượng hư không".

Hoàng nghe nói đoạn liền vội tới yết kiến Tổ. Tổ hỏi :

- Anh ở đâu lại ?

Hoàng thuật lại nhân duyên trên. Tổ nói :

- Đúng như lời anh cứ để cái tâm như hư không mà không chấp trước vào chỗ thấy như hư không, thì ứng dụng vô ngại, động tĩnh vô tâm, mất cả tình ý phân biệt, phàm thánh, năng sở đều tan sạch, tĩnh tướng như như, không có lúc nào là lúc chẳng định nữa.

Hoàng nghe đoạn cả ngộ, cái tâm nhận thấy sở đắc 20 năm đều hết sạch cả. Đêm hôm đó, sĩ dân vùng Hà Bắc nghe thấy trên không có tiếng nói rằng: "Hoàng Thiền sư hôm nay đắc đạo". Ít lâu Hoàng lay từ Tổ, trở về Hà Bắc khai hóa tứ chúng.

Một vị Tăng hỏi Tổ rằng :

- Người nào hiểu được ý chỉ Hoàng Mai.

Tổ trả lời :

- Người hiểu Phật pháp hiểu được.

Tăng nói :

- Hoà Thượng đã được chưa ?

Tổ nói :

- Ta chẳng hiểu Phật Pháp.

Một hôm Tổ muốn giặt cái áo của Ngũ Tổ giao cho mà không có suối sạch mới đi ra đằng sau chùa chừng năm chặng thấy rừng núi um tùm, khí lành nghi ngút. Tổ cầm gậy cắm xuống đất mạch nước tuôn ra thành cái ao. Tổ quỳ xuống giặt áo ở trên một hòn đá phẳng bồng thấy một vị Tăng đi tới lễ và bạch rằng :

- Con tên là Phương Biện, người ở Tây Thục, mấy hôm vừa qua gặp Đạt Ma Đại sư bảo con rằng : Ta đã đem kho chính pháp nhãn và áo Tăng già lễ của Ngài Đại Ca Diếp truyền sang Đông Thổ, nay đã truyền được đến đời thứ sáu ở xứ Tào Khê, người nên mau mau ra đây mà chiêm ngưỡng¹. Con từ xa lại xin Tổ cho con được trông thấy y bát.

Tổ đưa cho xem và hỏi rằng :

- Ông làm nghề gì ?

Thưa rằng :

- Biết đáp tượng.

Tổ nghiêm nét mặt nói :

- Anh thử đáp xem.

Biện sợ luống cuống qua hai ba hôm đáp xong tượng Lục Tổ cao độ 7 tấc, cực kỳ khéo léo. Tổ cười nói :

- Anh chỉ hiểu tính tượng chưa hiểu tính Phật.

Nói đoạn gơ tay xoa trán Phương Biện và bảo rằng :

- Cầu cho người mãi mãi làm thừa ruộng trồng phúc cho cả trời và người" rồi đưa ba tấm áo cho Biện.

¹ Phương Biện là người về sau sẽ đáp tượng Lục Tổ. Lời nói của Phương Biện như đã ghi ở đây, chỉ có thể là lời thuật lại giấc chiêm bao đêm hôm qua (bởi vì từ Tổ Đạt Ma đến đời Huệ Năng đã là 6 đời gần 150 năm).

Biện đỡ lấy, lấy một tấm mặc cho tượng, một tấm để khăn gói, còn một tấm lấy lá móc cọ bọc kín chôn xuống đất và thề rằng :

- Sau này ai được áo này, người ấy tức là ta lại ra đời, trụ trì ở đây và sửa sang lại chùa.

Có một vị Tăng đưa một bài kệ của Ngọa Luân Thiền sư lên Tổ xem. Kệ rằng :

*Ngọa Luân có cái tài,
Đoạn sạch trăm mối tưởng,
Bối cảnh tâm chẳng động,
Bồ Đề ngày tốt tươi.*

Tổ xem đoạn nói rằng :

- Bài kệ này cũng chưa tỏ tâm địa, nếu y thế mà làm thì chỉ thêm chằng trối. Mới đọc một bài kệ rằng :

*Huê Năng chẳng tài gì,
Chẳng đoạn trăm mối tưởng,
Đôi cảnh tâm động luôn,
Bồ Đề tươi vẻ chi.*

VIII. PHẨM ĐỐN TIỆM

Lúc đó Tổ ở chùa Bảo Lâm xứ Tào Khê, Thân Tú Đại sư ở chùa Ngọc Toàn xứ Kinh Nam. Bấy giờ hai tông đều hoàng hoá rất thịnh, thành một cái tên chung là Nam Năng Bắc Tú, cho nên mới có sự chia chẻ Nam là tông Đốn, Bắc là tông Tiệm, mà kẻ học chẳng biết quy túc vào đâu. Tổ bảo chúng rằng :

Pháp nguyên có một Tông, người mới chia ra Nam Bắc, Pháp tức là một thứ, thấy biết có kẻ chóng người chậm. Thế nào là Đốn Tiệm ? Pháp không có đốn tiệm, người có sáng có tối, mới thấy có đốn tiệm.

Song đồ chúng của Thần Tú thường chê Tổ sư Nam tông chẳng biết một chữ còn giỏi cái gì ? Thần Tú nói :

- Đại sư Nam tông được cái trí, không có thấy (vô sư) mà hiểu sâu cảnh giới thượng thừa, ta còn kém xa. Vả lại Ngũ Tổ ta thân trao y bát cho Đại sư có phải là sự hảo đầu, ta tiếc rằng chẳng đi được xa, thân tới xam cầu, hưởng thụ ơn nước, thực là không xứng. Các anh đừng có ở lý mãi đây, nên sang ngay bên Tào Khê mà xam quyết đi.

Một hôm Thần Tú Đại sư bảo học trò tên là Chí Thành rằng :

- Anh thông minh đa trí, anh nên vì ta mà tới Tào Khê nghe pháp. Nghe được câu gì, dốc lòng nhớ lấy, trở về nói cho ta nghe với. -

Chí Thành vâng mệnh đi tới Tào Khê cùng chúng vào xam mà chẳng nói rõ là ở đâu lại. Tổ bảo chúng rằng :

- Hiện đương có người lên vào Hội này để ăn cấp pháp.

Chí Thành liền đứng dậy lễ, bạch rõ đầu đuôi. Tổ nói :

- Anh ở Ngọc Toàn đến đây có lẽ lại làm kẻ gián điệp chứ gì ?

Thưa :

- Chẳng phải.

Tổ nói :

- Sao lại chẳng phải ?

Thưa :

- Chưa nói là phải, nói rồi chẳng phải.

Tổ nói :

- Thấy anh dạy chúng thế nào ?

Thưa :

- Thường chỉ bảo đại chúng yên tâm quán cái thanh tịnh, ngồi mãi chẳng nằm.

Tổ nói :

- Yên tâm quán cái thanh tịnh thế là bệnh chứ chẳng là thiền, thường ngồi bó buộc thân, đối với chân lý chẳng có ích gì. Hãy nghe bài kệ của ta đây :

Sinh ra ngồi chẳng nằm,

Chết đi nằm chẳng ngồi,

Can chi đặt công khoá,

Cho một bộ xương hom.

Chí Thành lại lễ mà bạch rằng :

- Con học Tú Đại sư chín năm chẳng ngộ đúng lý, ngày nay nghe Tổ dạy một câu, liền tỏ bản tâm. Sự sinh tử của con là một sự lớn, xin Tổ từ bi lại dạy bảo cho.

Tổ nói :

- Ta nghe thấy anh dạy các học trò phép giới, định, tuệ, chẳng hay thấy anh nói cái hành tướng của giới, định, tuệ nó thế nào, anh hãy nói ta nghe ?

Chí Thành bạch rằng :

- Tú Đại sư nói đừng làm mọi sự ác là giới, vâng làm mọi điều thiện là tuệ, tự giữ cái ý cho thanh tịnh là định, còn Tổ con chưa được rõ Tổ dạy người học phép nào ?

Tổ nói :

- Nếu ta nói rằng ta có pháp để cho người học tức là gạt anh. Chỉ vì tùy phương cởi mở nên tạm gọi là tam muội, và nghĩa giới, định, tuệ của thầy anh nói thực là chẳng nghĩ bàn xiết, còn chỗ ta đối với phép giới, định, tuệ thì lại khác hẳn.

Chí Thành nói :

- Giới, định, tuệ đáng lẽ chỉ có một thứ sao lại khác được ?

Tổ nói :

- Giới, định, tuệ của thầy anh là pháp để tiếp dẫn người tới đại thừa, còn giới, định, tuệ của ta là pháp để tiếp dẫn người tới thượng thừa. Tổ ngộ khác nhau, thấy có chỗ chống chọi. Anh nghe ta nói, xem có giống như thế không ? Pháp của ta nói chẳng lìa tự tính. Là bản thể ra mà nói pháp gọi là pháp trước không, tự tính thường mê, phải biết hết thấy muôn pháp đều là tự tính phát khởi công dụng, đó là pháp giới, định, tuệ chân thật. Hãy nghe bài kệ đây :

Tâm địa thấy là tự tính giới,

Tâm địa không si tự tính tuệ,

Tâm địa không loạn tự tính định,

Chẳng thêm chẳng bớt tự kim cương,

Thân đi thân lại nguyên tam muội.

Chí Thành nghe đoạn ăn năn lay tạ và trình một bài kệ rằng :

Cái thân ngũ uẩn giả dối đó,

Giả dối sao có tới chỗ cứu được.

Trở lại về chỗ chân như kia,

Thì pháp lại là bất tịnh rồi.

Tổ xem xong cho là phải lại bảo Thành rằng :

Pháp giới, định, tuệ của thầy anh là để khuyên người căn trí nhỏ, pháp giới, định, tuệ của ta là để khuyên người căn trí lớn. Nếu ngộ tự tính, cũng chẳng đặt ra Bồ Đề Niết bàn, cũng chẳng đặt ra giải thoát tri kiến. Không thấy có một Pháp nào có thể được nữa, mới hay xây dựng được muôn Pháp. Nếu hiểu ý đó cũng gọi là Phật thân, cũng gọi là Bồ Đề Niết Bàn, cũng gọi là giải pháp tri kiến. Con người tỏ tính lập cũng được, chẳng lập cũng được, đi lại tự do không mắc không vướng, ứng theo công dụng mà làm, ứng theo lời hỏi mà đáp, thấy khắp hoá thân, chẳng rời tự tính, liền được tự tại thân thông từ bi tam muội, thế gọi là tỏ tính.

Chí Thành lại bạch Tổ rằng :

- Chẳng lập nghĩa là thế nào ?

Tổ nói :

- Tự tính không sai, không si, không loạn, luôn luôn dùng Bát nhã quán chiếu, thường lìa pháp tướng tự do tự tại, ngang dọc được tất, còn có gì là có thể lập được nữa. Tự tính tự ngộ, đốn ngộ đốn tu, cũng không có lần lượt, vì thế nên chẳng lập hết thầy Pháp. Mọi Pháp tịch diệt, còn có lần lượt gì nữa.

Chí Thành lạy tạ, xin ở hầu hạ sớm tối chẳng mỏi.

Tỷ khiêu Chí Triệt, người tỉnh Giang Tây, nguyên họ Trương tên là Hành Sương. Thuở trẻ làm việc nghĩa hiệp. Từ khi Phật chia làm hai tông Nam và Bắc, hai vị chủ tông tuy không có lòng nhân ngã¹,

¹ Lòng nhân ngã ; Lòng tranh chấp nhau

mà đồ chúng thì hay khởi sự tranh giành. Lúc đó người bên Bắc tông tự lập Thân Tú lên làm Tổ thứ 6, mà sợ thiên hạ biết việc Ngũ Tổ truyền y bát cho Tổ Huệ Năng, mới bảo Hành Sương sang ám sát Tổ. Tổ biết trước để 10 lạng vàng ở trên ghế. Đêm ấy Hành Sương lên vào nhà Tổ định ám sát Tổ. Tổ ruỗi cổ ra Hành Sương chém luôn ba nhát, chẳng ăn thua gì. Tổ nói :

- Gươm chính chẳng tà, gươm tà chẳng chính. Ta chỉ nợ vàng ngươi, chẳng nợ mạng ngươi.

Hành Sương sợ ngã nhào xuống hồi lâu mới tỉnh, kêu thương sấm hối và xin xuất gia ngay. Tổ cầm vàng đưa cho và bảo :

- Giờ ngươi hãy trốn đi ngay, đồ chúng biết ngươi sẽ bị hại, để đến đêm khác thay hình đổi dạng lại ta sẽ độ cho.

Hành Sương vâng lời trốn đi vào một chùa khác xuất gia, thụ giới Cụ túc, tu hành tinh tiến. Một hôm nhớ lời Tổ dặn mới từ xa lại chiêm lễ. Tổ nói :

- Ta hằng nhớ ngươi, sao lại chậm thế.

Thưa rằng :

- Trước được Hoà thượng xá tội cho, nay tuy xuất gia khổ hạnh vẫn thấy khó mà báo đáp được ân đức ấy, có lẽ chỉ có một cách truyền pháp độ sinh. Con thường xem kinh Niết Bàn, nhưng chưa hiểu cái nghĩa thường và vô thường, xin Hoà thượng từ bi nói qua cho con hiểu.

Tổ nói :

- Vô thường tức là tính Phật, có thường tức là tâm phân biệt hết thấy mọi pháp thiện ác.

Hành Sương thưa rằng :

- Hoà thượng dạy thế trái ý lắm.

Tổ nói :

- Ta truyền tâm ấn của Phật đầu dấm trái ý kinh.

Thưa :

- Trong kinh có tin tính Phật là thường Hoà thượng lại bảo là vô thường. Mọi pháp thiện ác cho chí Bồ Đề tâm là vô thường, Hoà thượng lại bảo là thường, thế tức là trái nhau, khiến con càng thêm ngờ vực.

Tổ nói :

- Kinh *Niết Bàn* mà xưa ta nghe Tỷ khiêu ni Vô Tận Tạng tụng một lượt, ta giảng nghĩa cho nghe, không một chữ một nghĩa nào là chẳng đúng văn kinh, nay nói cho anh cũng một nghĩa thế.

Thưa rằng :

- Trí lượng con nông nổi tối tăm, xin Hoà thượng mở bảo kỹ càng cho.

Tổ nói :

- Anh biết chăng? Nếu tính Phật là thường thì còn nói ra mọi pháp thiện ác gì nữa. Cho đến cùng kiếp, không có một người mở lòng Bồ Đề nữa, vì thế nên ta nói vô thường, chính là cái đạo chân thường của Phật nói đó. Lại như hết thảy mọi pháp là vô thường cả, thì vật nào vật ấy đều có tự tính, đựng chứa lấy sự sinh tử, mà cái tính chân thường có cái chỗ chẳng tới khắp được. Cho nên ta nói là thường, chính là cái nghĩa vô thường của Phật nói đó. Vì chúng phàm phu ngoại đạo chấp lẽ tà thường, mọi người nhị thừa đối với lẽ thường lại tính là vô thường, cộng thành 8 thứ điên đảo¹, cho nên

¹ 8 thứ điên đảo (bát đảo) :

trong kinh Niết Bàn liễu nghĩa Phật, Phật mới phá cái thiên kiến của họ đi mà nói rõ mọi lẽ chân thường, chân lạc, chân ngã, chân tịnh. Nay anh y lời trái nghĩa, lấy cái đoạn diệt làm vô thường và cái chết đi làm thường, mà hiểu lầm cái nghĩa viên diệu, Phật nói lúc sau chót đó, thì dù xem đến ngàn lượt phòng có ích gì.

Hành Sương bỗng cả ngộ mà nói bài kệ rằng :

*Vì chấp tâm vô thường,
Phật nói tính có thường.
Người chẳng hiểu phương tiện,
Như mò đá ao xuân !
Nay con chẳng chút công,
Mà tính Phật hiển hiện.
Không nhờ thấy trao cho,
Con cũng chẳng được vậy.*

Tổ nói :

- Nay thì anh là anh Triệt (suốt) thật, đáng cái tên là Trí Triệt. Triệt lẽ tạ lui ra.

Có một chú bé tên gọi Thần Hội họ Cao, người quận Tương Dương 13 tuổi, từ chùa Ngọc Toàn sang xem Tổ. Tổ nói :

- Thiện trí thức từ xa tới vất vả lắm nhỉ, có mang được cả cái bản lai (cái gốc) tới không ? Nếu có gốc thì biết có chủ, thử nói xem nào ?

-
- a. Ngoại đạo coi khổ là sướng (lạc), coi thường là vô thường, coi vô ngã là ngã, coi không thanh tịnh là thanh tịnh;
b. Nhị thừa coi sướng là khổ, coi thường là vô thường, coi ngã là vô ngã, coi thanh tịnh là không thanh tịnh.
Hợp chung lại là 8 thứ điên đảo hay 8 kiến giải sai lầm đảo ngược.

Hội nói :

- Lấy vô trụ làm gốc, kiến tức là chủ.

Tổ nói :

- Chú Sa di này nói sỗ sàng lắm".

Hội mới hỏi rằng :

- Hoà thượng, ngồi thiền, thấy hay chẳng thấy ?

Tổ cầm gậy đánh ba cái hỏi rằng :

- Ta đánh chú có đau không ?

Thưa rằng :

- Cũng đau cũng chẳng đau.

Tổ nói :

- Ta cũng "thấy mà cũng chẳng thấy".

Thân Hội hỏi :

- Thế nào là thấy mà cũng chẳng thấy ?

Tổ nói :

- Cái chỗ ta thấy là thường, thấy tội lỗi của tâm ta, chẳng thấy thị phi tốt xấu của người khác, vì thế nên thấy mà cũng chẳng thấy, còn chú nói cũng đau cũng chẳng đau là thế nào ? Nếu chẳng đau chú cũng như gỗ đá, nếu đau thì cũng như kẻ phạm phu, liền nổi xung ngay. Từ xưa chú vẫn cho thấy chẳng thấy, là hai bên, đau chẳng đau là sinh diệt, tự tính chú, chú còn chẳng thấy sao lại dám đùa với người thế ?

Thân Hội ăn năn lay tạ. Tổ lại nói :

- Nếu tâm chú mê chẳng thấy nên hỏi bậc thiện trí thức mà tìm đường chính, nếu tâm chú ngộ tức là tự thấy tỏ tính, y pháp tu hành.

Chú tự mê chẳng thấy tỏ tự tâm, lại đến hỏi ta thấy hay chẳng thấy. Ta thấy ta tự biết có lẽ nào lại mê thay chú. Nếu chú tự thấy lại hỏi ta rằng thấy hay chẳng thấy ?

Thần Hội lại lễ hơn trăm lễ xin cho sám hối, hầu hạ hai bên.

Một hôm Tổ bảo chúng rằng :

- Ta có một vật không đầu, không đuôi, không tên, không chữ, không lưng, không mặt, có ai biết chăng ?

Thần Hội đứng lên thưa rằng :

- Cái ấy là nguồn gốc (bản nguyên) của chư Phật mà cũng là Phật tính của con.

Tổ nói :

- Ta hỏi cái không tên, không chữ, người liền kêu là nguồn gốc Phật tính ! Sau này dù người có lên tới chỗ có tám tranh¹ che đầu cũng chỉ thành được một tông đồ hiểu biết mà thôi.

Sau khi Tổ diệt rồi, Hội vào kinh đô Lạc Dương truyền bá pháp Đốn giáo của Tào Khê được hưng thịnh lắm, có làm ra bộ *Hiển tông ký* được đời coi trọng lắm. Đó tức là Hà Trạch Thiền sư.

Tổ thấy môn đồ các tông hay căn vặn rồi sinh lòng ác cảm, mới họp cả lại mà bảo rằng :

- Con người học đạo cần phải trừ sạch hết thấy thiện niệm, ác niệm, không có tên gì để gọi được nữa, mới gọi tạm là tự tính, cái tính vô nhị mới là thực tính. Phải xây dựng hết thấy giáo môn của ta ở trên cái tự tính đó, nghe đó phải tự thấy tỏ ngay đi.

¹ *Cổ tranh* : Chỉ lều lợp cỏ tranh tức thảo am, ý nói khi Thần Hội đã trở thành Thiền sư.

Mọi người nghe đoạn đều làm lễ tạ xin thờ làm thầy.

IX. PHẨM HỘ PHÁP

Ngày Thượng nguyên, niên hiệu Thần Long thứ nhất (705), Thái hậu Vũ Tắc Thiên và Trung Tông hoàng đế xuống chiếu truyền rằng :

"Trẫm thỉnh hai sư Tuệ An và Thần Tú vào trong kinh cúng dàng, để cúng dàng, muốn nhân những khi việc nước tạm rảnh mà nghiên cứu lý đạo Nhất thừa. Hai sư đều từ rằng : ở phương Nam có Năng Thiển sư, được Nhân Đại sư mật truyền tâm ấn và trao y bát cho, xin thỉnh Ngài hơn. Nay Trẫm sai quan nội thị là Tiết Giản đưa chiếu sang Tào Khê nghênh thỉnh. Nguyên Thiển sư từ bi mau chóng về kinh".

Tổ dâng biểu cáo từ rằng ồm, xin cho trọn đời ở chốn rừng núi. Tiết Giản nói :

Các vị Đại đức trong thành đều nói rằng : Muốn hiểu được đạo, cần phải tập ngồi thiền định, chưa có một ai chẳng tu thiền định mà được giải thoát bao giờ, chẳng hay pháp của Tổ nói như thế nào ?

Tổ nói :

- Ngộ cho đạo là bởi cái tâm, có phải ở chỗ ngồi đâu. Trong kinh nói : "Nếu có người bảo Như Lai ngồi hoặc Như Lai nằm, tức là người ấy đang hành tà đạo". Tại sao thế ? Vì nó không từ đâu trở lại, cũng không có chỗ về đâu, không sinh không diệt, thế là Như Lai thanh tịnh thiên. Mọi pháp rỗng lặng, thế là Như Lai thanh tịnh toạ, xét hết đến chỗ chứng kia cũng không có nữa hướng chỉ sự ngồi !

Giản nói :

- Con trở về kinh thế nào Hoàng thượng cũng hỏi chuyện. Xin Tổ từ bi chỉ bảo cho biết chỗ tâm yếu, để con tâu lên hai cung và các nhà học đạo trong thành ví như một ngọn đèn châm thắp sáng trăm nghìn đèn khác, thì chỗ tối đều sáng, sáng mãi không hết.

Tổ nói :

- Đạo không có sáng có tối, sáng tối chỉ là cái nghĩa thay tàn, sáng mãi không hết cũng là có hết, lấy nghĩa đối đãi nhau mà đặt tên, cho nên trong kinh *Tịnh Danh* nói rằng : Pháp không có gì sánh được, vì nó không có chỗ tương đối.

Giản nói :

- Sáng là thí dụ với trí tuệ, tối là thí dụ với phiền não, nếu người tu đạo không dùng trí tuệ để phá phiền não thì nhờ cái gì mà ra khỏi cái không sinh tử từ vô thủy ?

Tổ nói :

- Phiền não tức là Bồ Đề không phải là hai, không phải là khác.

Nếu dùng trí tuệ để phá phiền não tức là chỗ hiểu biết của nhị thừa, là những cơ duyên với hươu, chứ thượng trí đại căn chẳng hề có thể.

Giản nói :

- Thế nào là thấy biết của Đại thừa ?

Tổ nói :

- Minh và vô minh, phàm phu thấy nó là hai trí giả suốt hết tính nó không có hai. Cái tính không có hai đó tức là tính thực. Cái tính thực đó ở kẻ phàm phu không thấy kém đi, ở bậc hiền thánh không

thấy thêm lên. Thực tính đó trụ trong phiền não mà chẳng rối loạn, ở cảnh thiện định mà chẳng lặng bất, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng lại chẳng đi, chẳng ở quăng giữa và nơi trong ngoài, chẳng sinh chẳng diệt, tính tướng như như, thường trụ chẳng rời thế gọi là đạo.

Giản nói :

- Chẳng sinh, chẳng diệt khác gì ngoại đạo ?

Tổ nói :

- Cái nghĩa chẳng sinh chẳng diệt của ngoại đạo là cái diệt ngăn cái sinh, lấy cái sinh tỏ cái diệt, diệt như chẳng diệt, nói chẳng sinh, còn cái nghĩa chẳng sinh chẳng diệt của ta nói là nguyên tự nó, chẳng có sinh, hay cũng chẳng diệt vì thế nên khác hẳn ngoại đạo. Ông muốn biết cái chỗ tâm yếu cứ một mạch đừng có nghĩ lường chi, đến hết thấy thiện ác tự nhiên vào được nơi tâm thể thanh tịnh, thường lạng thường lặng, diệu dụng hằng sa sự.

Tiết Giản được Tổ dạy vỡ vạc cả ngộ, lạy tạ trở về, tâu lại lời Tổ.

Ngày mùng 3 tháng 9 năm ấy có chiếu cương dụ Tổ rằng : "Tổ từ chối là vì già yếu và không vào kinh được, xin Tổ vì Trẫm tu đạo, làm rộng phúc cho nước nhà. Tổ cũng như Ngài Tịnh Danh¹ mượn cố ở thành Tỳ Gia² mở mang Đại thừa, truyền tâm ấn Phật, bàn pháp bất nhị. Tiết Giản đem lời Tổ trao tri kiến của Như Lai cho

¹ Ngài Tịnh Danh tức Duy Ma Cật (Vimalakirti) là vị cư sĩ ở thành Tỳ Gia Li (Vaisali) thời Phật tại thế. Tuy chỉ tu tại gia, nhưng Duy Ma Cật giữ nghiêm luật thanh tịnh, thanh danh vang truyền gần xa (do đó có tên là Tịnh Danh Đại sĩ). Khi Phật đến vườn Amrapali thuyết pháp, Duy Ma Cật cáo ốm không đến nghe. Phật biết ý, sai các Tỷ kheo, Bồ tát đến thăm. Nhân đó Duy Ma Cật có dịp giảng giáo lý của Phật.

² Tỳ Gia, tức Tỳ Gia Li

Trăm biết. Trăm nhờ có công tích thiện phúc thừa, cảm đội ơn Tổ không biết nói thế nào là cùng !"

Cùng với chiếu thư, sứ giả đem tới ban cho Tổ bộ cà sa ma nạp và cái bát thủy tinh. Trung Tông hoàng đế lại sắc cho Thứ sử Thiệu Châu sửa sang lại chùa chiến và ban cho chỗ Tổ ở một cái tên là *Quốc Ân tự*

X. PHẨM PHÓ CHÚC

Một hôm, Tổ gọi các ông Pháp Hải, Chí Thành, Pháp Đạt, Thần Hội, Trí Thường, Trí Thông, Trí Triệt, Trí Đạo, Pháp Chân, Pháp Như v.v... vào bảo rằng :

- Các ông hơn mọi người nhiều, sau khi ta diệt độ rồi, mỗi ông làm thầy một nơi, nay t. chỉ cho các ông biết cách nói pháp chẳng sai bản tông. Trước nhất phải nêu Tam khoa pháp môn, động dụng 36 đôi, ra vào phải lìa ngay hai bên, nói hết thầy pháp, dùng rồi tự tính... Bỗng có ai hỏi pháp các ông, cất lời thành đôi, đều lấy pháp tương đối, đi lại cùng làm nhân cho nhau, xét hết là trừ sạch hai pháp, không có chỗ nào là chỗ đi.

Tam khoa pháp môn ấy là: *Ấm, giới, nhập*. *Ấm* là *ngũ ấm* (5 ấm): Sắc, thọ, tưởng, hành, thức. *Nhập* là *thập nhị nhập* (12 nhập), ngoài là sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; *trong* là sáu cửa: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. *Giới* là *thập bát giới* (18 giới): Sáu căn, sáu trần và sáu thức.

Tự tính bao hàm cả muôn pháp gọi là *hàm tàng thức*. Nếu muốn khởi mối nghĩ ngợi tức là *chuyển thức*, sinh ra sáu thức, ra ngoài sáu cửa, thấy sáu món trần, mười tám giới như thế đều từ nơi tự tính pháp khởi công dụng. Tự tính mà tà thì khởi lên mười tám thứ

chính. Nếu dùng theo tính ác tức là sự dùng của chúng sinh, dùng theo tính thiện tức là tính Phật. Dùng bởi những cái nào ra ? Bởi tự tính có, tương đối với cảnh ngoài mà khởi lên.

Vô tính có năm đôi : Trời đối với đất, mặt trời đối với mặt trăng, sáng đối với tối, âm đối với dương, nước đối với lửa, đó là năm đôi.

Pháp tướng nói năng có 12 đôi : Nói đối với pháp, có đối với không, có sắc đối với không sắc, có tướng đối với không tướng, hữu lậu đối với vô lậu, sắc đối với không, động đối với tĩnh, thanh đối với trọc, phàm đối với thánh, tăng đối với tục, già đối với trẻ, lớn đối với bé.

Tự tính phát khởi công dụng có mười chín đôi : Dài đối với ngắn, tà đối với chính, si đối với tuệ, ngu đối với trí, loạn đối với định, từ đối với độc, giới đối với phi, thẳng đối với cong, thực đối với hư, hiểm đối với bình, phiền não đối với bồ đề, thường đối với vô thường, bi đối với hại, mừng đối với giận, xả đối với xen, tiến đối với thoái, sinh đối với diệt, pháp thân đối với sắc thân, hoá thân đối với báo thân.

Pháp ba mươi sáu đôi này nếu hiểu dùng được, liền suốt hết thấy kinh pháp, ra vào lìa ngay hai bên, tự tính động dụng, cùng người nói năng, đối với tướng ngoài lìa khỏi được tướng, đối với không trong lìa khỏi cả không. Nếu toàn trước tướng, liền tăng thêm tà kiến ngay, nếu toàn chấp không liền tăng thêm vô minh ngay. Con người chấp không có kẻ huỷ báng cả kinh, nói tuột ra rằng chẳng cần dùng đến văn tự. Đã nói rằng chẳng cần dùng đến văn tự thì cũng chẳng nên nói năng chi nữa, vì nói năng tức là cái tướng văn tự rồi. Lại nói rằng chẳng đặt ra văn tự, cứ hai chữ “chẳng đặt” cũng là văn tự rồi. Thấy ai nói ra, liền chê người ta là chấp trước văn tự.

Các ông nên biết tự tính mình mê còn hại ít thôi, chứ đừng huỷ báng kinh, vì huỷ báng kinh tội chương vô số.

Nếu chấp trước hình tướng ở ngoài mà làm phép câu chân hoặc mở rộng đạo tràng nói những lầm lỗi của sự có không, con người như thế, bao kiếp cũng chẳng tỏ tính được. Cứ y theo phép tu hành mà đừng làm theo cái lối chẳng nghĩ cái gì mà nói chương ngại đạo tính.

Nếu nghe nói chẳng tu, khiến người lại sinh tà niệm. Chỉ cốt y theo giáo pháp tu hành mà không trụ vào cái tướng pháp kia, nếu các ông ngộ y theo lời nói đó, y theo đó mà dùng, mà tu, mà làm tức là chẳng sai với bản tông. Nếu có ai hỏi các ông nghĩa, hỏi có thì đem không mà đối, hỏi phàm thì đem thánh mà đối, hỏi thánh thì lấy phàm mà đối, hai đạo cùng làm nhân cho nhau mà sinh cái nghĩa trung đạo.

Hỏi một bên đối một bên, cứ y theo thế mà làm, tức là chẳng trái lẽ vậy. Ví dụ như có ai hỏi rằng : Tối là thế nào ? Ta đáp rằng : Sáng là nhân, tối là duyên, sáng mất thì tối, vì lấy sáng mà tỏ tối, lấy tối mà tỏ sáng, đi lại cùng làm nhân cho nhau, mà nên nghĩa trung đạo. Còn các câu hỏi khác đều như thế hết. Từ nay về sau các ông truyền pháp cứ y như thế mà lần lượt trao truyền, chớ làm sai mất tôn chỉ.

Tháng 7 năm Nhâm Tý, niên hiệu Diên Hoà thứ 1 (712), Tổ sai học trò sang Tân Châu xây tháp ở chùa Quốc Ân và giục phải xây gấp. Cuối mùa hạ năm sau (713) thì hoàn thành. Ngày mùng 1 tháng 7, Tổ họp cả đồng chúng lại bảo rằng :

Đến tháng 8 thì ta sẽ lìa cõi thế gian, các ông còn có điều gì ngờ nên hỏi mau đi, để ta phát hết chỗ ngờ đi cho, khiến cho hết chỗ mê lầm, e rằng sau khi ta đi rồi, không ai dạy bảo các ông nữa.

Bọn ông Pháp Hải nghe nói đều khóc hết, chỉ có Thân Hội tình thần bất động không khóc. Tổ nói :

– Thân Hội Tiểu sư chứng được tới chỗ thiện như bất thiện, khen chê bất động, thường vui chẳng sinh, còn thì chẳng ai được cả. Mấy năm ở trong núi, tu cái đạo gì ? Nay thương mà khóc là lo cho ai ? Nếu lo cho ta chẳng biết chỗ đi của ta thì sao ta lại bảo trước cho các ông biết được ? Các ông thương khóc là vì chẳng biết cái chỗ của ta đi, nếu biết được chỗ đi của ta, thì chẳng can chi mà khóc. Pháp tính nguyên không sinh diệt đi lại. Thôi các ông ngồi cả xuống, ta sẽ nói cho nghe một bài kệ gọi là *Chân giả động tĩnh kệ*. Các ông tụng lấy bài kệ ấy đồng ý với ta y đó tu hành, chẳng mất tôn chỉ.

Chúng Tăng làm lễ thỉnh Tổ nói kệ. Tổ truyền bài kệ rằng :

"Hết thấy muôn pháp không có pháp nào là pháp chân thật, đừng có coi nó là chân thật, nếu coi nó là chân thật thì sự coi đó chẳng chân thật hết, nếu tự biết chính ở nơi mình có cái chân thực mà lìa các cái giả kia đi, tức là cái tâm chân thực đó. Tâm mình chẳng lìa những cái giả thì những cái giả đó không phải là chân còn thấy chân dấu nữa. Giống có tình tự nhiên có động, giống vô tình mới chẳng biết động. Nếu cái tu cái hạnh bất động tức là cái vật bất động thật trong chỗ động có cái bất động, hiểu lầm chẳng cử động gì là cái bất động, cũng như không tình thì không có Phật chủng. Tài phân biệt mọi tướng là cái bất động đệ nhất nghĩa là hể thấy được như thế tức là tác dụng của chân như. Ai nấy người học đạo phải gắng hết sức để ý dừng ở trong cái của Đại thừa mà vẫn chấp cái trí thấy có sinh tử. Ai nghe nói hiểu đúng mới có thể cùng bàn nghĩa Phật được. Nếu thực chẳng hiểu đúng, cũng nên chấp tay

tỏ ý kính khiến cho hoan hỷ. Tông này nguyên không cho tranh chấp; tranh chấp tức là sai ý đạo, chấp pháp môn tranh chấp tự tính chìm đắm cầu sinh tử".

Lúc đó chúng nghe hết bài kệ, thấy làm lẽ tạ và thể ý Tổ ai nấy đều thu nhiếp tâm lại, y pháp tu hành chẳng dám tranh chấp nữa. Biết Tổ chẳng ở đời bao lâu nữa, Pháp Hải Thượng tọa lễ hai lễ hỏi rằng:

- Sau khi Tổ nhập diệt rồi, y bát sẽ trao cho ai ?

Tổ nói :

- Đem chép tất cả những phép tu nói từ lần ở chùa Đại Phạm cho tới ngày nay hợp làm một bộ gọi là *Pháp Bảo Đàn Kinh* lưu hành ra đời. Các ông giữ lấy lần lượt trao nhau, độ các quần sinh, cứ y lời nói trong đó thể là chính pháp, nay ta chỉ nói phác cho các ông nghe chứ chẳng trao cho y bát, vì rằng tin căn của các ông đã thuần thực cả có thể gánh vác được việc lớn quyết định không còn nghi ngờ. Cứ theo y trong bài kệ của tiên Tổ Đạt Ma Đại Sư trao truyền cho thì đến nay không nên truyền y bát nữa. Bài kệ thể này:

Bản tâm ta tới đây,

Truyền pháp cầu mê tình,

Một hoa nở năm cánh¹,

Kết quả tự nhiên thành.

Đoạn Tổ lại nói :

- Các thiện trí thức ơi ! Các ông ai nấy đều để cái tâm thanh tịnh mà nghe ta nói pháp đây : Nếu muốn thành tựu được cái chủng trí¹,

¹ Bài kệ này tương truyền là lời dự báo của Đạt Ma Đại sư. Một hoa, chỉ Đạt Ma – Tổ đầu tiên của Thiền Tông Trung Quốc. Năm cánh, chỉ 5 vị Tổ tiếp theo (từ Huệ Khả đến Huệ Năng. Câu cuối "Kết quả tự nhiên thành" ám chỉ Thiền tông phát triển hưng thịnh ở thời Huệ Năng.

cần phải hiểu suốt nhất tướng tam muội, nhất hành tam muội. Nếu đối với hết thảy nơi chỗ mà chẳng trụ trước vào một cái nào, đối với hết thảy tướng đó, chẳng sinh ra lòng yêu ghét, cũng không sinh lòng lấy hay bỏ, chẳng nghĩ những sự lợi ích thành hoại, an nhàn điềm tĩnh, hư không đậm bạc, thế gọi là nhất tướng tam muội. Nếu đối với hết thảy nơi chỗ đi đứng nằm ngồi, thuận một cái tâm ngay thẳng thì bất tất phải cử động gì mà chôn đạo tràng đó đã thành cõi Tịnh độ chân thật rồi, thế là nhất hành tam muội. Nếu người nào đó có đủ hai thứ tam muội ấy cũng như đất có hạt giống, hàm tàng nuôi lớn kết quả thành thực. Nhất tướng nhất hành cũng y như thế. Ta nay nói pháp cũng như trận mưa phải thời, thấm khắp quả đất, tính Phật của các ông ví như hạt giống gặp mưa thấm nhuần đều nảy nở hết. Vâng theo tôn chỉ của ta, quyết được Bồ Đề, y theo hạnh ta, quyết chứng diệu quả. Hãy nghe bài kệ đây :

Tâm địa bao hàm các hạt giống,

Gặp mưa thấm khắp đều nảy mầm.

Đốn ngộ tinh hoa căn trần rồi,

Các quả Bồ Đề tự nhiên thành.

Đoạn Tổ nói tiếp :

- Pháp đó không có hai, tâm kia cũng vậy. Đạo ấy thanh tịnh cũng không có mọi hình tướng. Các ông phải cẩn thận đừng có xem cái tĩnh và định bỏ trống tâm. Tâm đó nguyên vẫn thanh tịnh, không có thể lấy hay bỏ được, ai nảy gắng sức, tùy duyên đi đi.

¹ *Chủng trí hay nhất thiết chủng trí : Tức trí tuệ của Phật. Theo "Trí độ luận" trí tuệ có 3 hạng : 1. Nhất thiết trí là trí tuệ của hàng Thanh văn, Duyên giác. 2. Đạo chủng trí là trí tuệ của hàng Bồ tát. Hai hạng trên thấy được tính chất của vạn pháp là "không" và "giả". 3. Nhất thiết chủng trí là trí tuệ của Phật : Từ trong "không" và "giả" nhận rõ được thực tướng.*

Đồ chúng cùng làm lễ tạ mà lui ra.

Ngày mồng 8 tháng 7, Tổ bỗng bảo đệ tử rằng :

- Ta muốn về Tân Châu các ông nên sắp sửa thuyền bè mau.

Đại chúng hết sức kêu xin Tổ ở lại, nhưng Tổ nói :

- Chư Phật xuất hiện còn có cái tướng Niết Bàn, có lại thì có đi đó là lẽ thường. Cái hình hài này của ta tất có chỗ về.

Đại chúng bạch rằng :

- Sư phụ đi sang đấy chẳng hay sớm muộn khi nào trở lại ?

Tổ nói :

- Lá rụng xuống gốc, lúc lại không nói¹.

Đồ chúng lại hỏi rằng :

- Chính pháp nhãn tạng² sư phụ trao truyền cho cho ai.

Tổ đáp :

- Kẻ có đạo được. Kẻ vô tâm xuất.

Đồ chúng lại hỏi :

¹ Lúc lại không nói : Nguyên văn chữ Hán "Lại thời vô khẩu" ý nói ta ở trên đời này chưa từng mở miệng nói. ở đây nhắc lại ý lớn của Thiền tông : "Vô pháp khả thuyết" (không một pháp nào có thể nói được). Lục Tổ Huệ Năng khi chú giải kinh Kim Cương cũng từng nói : "Bản tâm vốn thanh tịnh, các pháp đều hư không, có pháp nào đáng phải nói nữa!"

² Chính pháp nhãn tạng : Trí tuệ của Phật, cũng gọi là Thanh tịnh pháp nhãn, Phật tri kiến. Khi Phật ở núi Linh Thứu, Đại Phạm Thiên Vương dâng Phật một cành hoa Ba La vàng. Nhân đó, Phật giơ cành hoa ra hiệu, các đệ tử đều không hiểu ý nghĩa thế nào. Chỉ có Ngài Ca Diếp cười vui vẻ. Phật trông thấy, bèn nói rằng : "Ta có chính pháp nhãn tạng và Niết Bàn diệu tâm trao lại cho người" Thiền tông theo điển này gọi chính pháp nhãn tạng là tâm ấn của Thiền tông (Giáo ngoại biệt truyền).

Sau này có nạn gì nữa không ?

Tổ nói :

- Sau khi ta diệt độ 5, 6 năm sẽ có kẻ lại lấy trộm đầu ta, nghe lời ta dặn đây : "Đầu thượng dưỡng thân, khẩu lý tu san, ngộ mãn chi nạn (gặp cái nạn mãn), Dương Liễu vi quan (quan họ Dương, họ Liễu)¹. Lại nói :

- Sau khi ta đi 70 năm nữa có hai vị Bồ tát từ phương Đông lại, một người xuất gia, một người tại gia đồng thời chấn hưng việc giáo hoá xây dựng tông ta, sửa sang chùa chiền, người nối dõi pháp rất đông đảo.

Đồ chúng lại hỏi :

- Con chưa biết từ đức Phật xưa ứng hiện tới nay trao truyền đã mấy đời rồi, xin Tổ mở bảo cho.

Tổ đáp :

- Các đức Phật ứng hiện ra đời từ thuở xưa kia và vô số kiếp chẳng thể đếm xiết được, nay lấy thất Phật làm đầu, kiếp quá khứ là kiếp Trang nghiêm², có các đức Tỳ Bà Thi Phật, Thi Khi Phật, Tỳ

¹ Về sau có sư Kim Đại Bi người nước Cao Ly thuê Chương Tịnh Mãn (nạn Mãn) đến lấy trộm đầu Tổ. Việc đến công môn. Thứ sử là Dương Võ Thiểm (họ Dương), huyện lệnh là Liễu Khánh lòng bất được. Đệ tử Tổ là Lệnh Thao theo chủ nghĩa từ bi của Phật, nói với quan thả ra, các sự việc xảy ra đúng như lời Tổ nói.

² Trang Nghiêm kiếp : Kiếp chỉ một thời kỳ dài trong quá khứ đã từng có hàng nghìn đức Phật xuất thế để làm cho thời đại đó trở nên trang nghiêm thanh tịnh. Vì vậy từ thời Phật Tỳ Xá Phù trở về trước gọi là "Trang Nghiêm kiếp". Gồm 3 vị Phật: 1. Tỳ Bà Thi (Vipsyin) là vị Phật ngồi dưới gốc cây Bồ Đề thuyết pháp liên 3 hội, hoá độ cho 348.000 người (xem kinh Trường A Hàm); 2. Thi Khi (Sikhin) là vị Phật ngồi dưới gốc cây Phán Đà Li thuyết pháp 3 hội, hoá độ cho 25 vạn người. (Sdd);

Xá Phù Phật. Kiếp Hiền kiếp¹ bây giờ có các đức Câu Lưu Tôn Phật, Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Ca Diếp Phật, Thích Ca Văn Phật cộng là 7 Đức Phật.

Đức Thích Ca truyền cho vị thứ nhất là Ma Ha Ca Diếp Tôn giả, thứ 2 là A Nan Đà Tôn giả, thứ 3 là Thượng Na Hoà Tu Tôn giả, thứ 4 là Ưu Bà Cúc Đa Tôn giả, thứ 5 là Đề Đa Ca Tôn giả, thứ 6 là Di Già Ca Tôn giả, thứ 7 là Bà Tu Mật Đa Tôn giả, Thứ 8 là Phật Đà Nan Đề Tôn giả, Thứ 9 là Mục Đà Mật Đa Tôn giả, Thứ 10 là Hiếp Tôn giả, thứ 11 là Phú Na Dạ Xa Tôn giả, thứ 12 là Mã Minh Đại Sĩ, thứ 13 là Ca Tỳ Ma La Tôn giả, thứ 14 là Long Thụ Đại sĩ, thứ 15 là Ca Na Đề Bà Tôn giả, thứ 16 là La Hầu La Đa Tôn giả, thứ 17 là Tăng Già Nan Đề Tôn giả, thứ 18 là Già Gia Sa Đa Tôn giả, thứ 19 là Cưu Ma La Đa Tôn giả, thứ 20 là Sà Gia Đa Tôn giả, thứ 21 là Bà Tu Bàn Đầu Tôn giả, Thứ 22 Ma Noa La Tôn giả, thứ 23 là Hạc Lạc Na Tôn giả, thứ 24 là Sư Tử Tôn giả, thứ 25 là Bà Xá Tư Đa Tôn giả, thứ 26 là Bát Như Mật Đa Tôn giả, thứ 27 là Bát Nhã Đa La Tôn giả, thứ 28 là Bồ Đề Đạt Ma Tôn giả, thứ 29 là Tuệ

3. Tỳ Xá Phù là vị Phật ngồi dưới gốc cây Ba La thuyết pháp 2 hội, hoá độ cho 13 vạn người (Sdd)

¹ *Hiền Kiếp* : Chỉ thời hiện tại hiện nay có nhiều thánh hiền xuất thế để hoá độ cho chúng sinh. Gồm các vị :

1. Câu Lưu Tôn (Krakucchanda) : Người thành An Hoà, ngồi dưới gốc cây Thị Li Sa thuyết pháp 1 hội hoá độ cho 4 vạn người (Sdd);
2. Câu Na Hàm Mâu Ni (Kanakamuni) : Người thành Thanh Tịnh, ngồi dưới gốc cây Ô tam bà la môn, thuyết pháp 1 hội hoá độ cho 2 vạn người (Sdd);
3. Ca Diếp : Người thành Ba La Nại, ngồi dưới gốc cây Ni Câu Luật, thuyết pháp 1 hội, hoá độ cho 2 vạn người (Sdd);
4. Thích Ca Văn Phật (Sakyamuni 544-464 TCN) : Tên chính là Cù Đàm Tất Đạt Đa (Gautama Siddhattha), là con vua nước Ca tì La Vệ (Kapilavasta) tên là Tịnh Phạn (Suddhodana) và bà vương phi Mada (Mayna). Ngài thuyết pháp 49 năm, giáo hoá chúng sinh nhiều vô lượng. Ngài nhập Niết Bàn ở rừng Sa La trên bờ sông Hiranyavati thuộc thành Câu Thi Na Yết Đà, Ấn Độ. Còn gọi là Thích ca Mâu Ni.

Khả Đại sư, thứ 30 là Tăng Xán Đại sư, thứ 31 là Đạo Tinh Đại sư, thứ 32 là Hoàng Nhân Đại sư, đến ta là thứ 33. Các Tổ kể trên đều có chỗ vãng nối nhau, rồi đây các ông nối đời truyền nhau đừng để sai trái.

Ngày 13 tháng 8 năm Quý Sửu niên hiệu Tiên Thiên thứ hai, Tổ thụ trai ở chùa Quốc Ân xong, bảo các đồ chúng rằng :

Các ông y theo thứ tự ngồi xuống ta sẽ xin từ biệt.

Pháp Hải Thượng toạ bạch rằng :

- Hoà thượng lưu lại cho giáo pháp nào, khiến cho người mê đời sau được tỏ tính Phật ?

Tổ nói :

- Các ông để ý nghe cho kỹ : Người mê đời sau, nếu nhận biết được chúng sinh tức là tính Phật, nếu chẳng nhận biết chúng sinh thì muôn kiếp tìm Phật cũng khó thấy Phật. Ta nay bảo các ông nhận biết cái chúng sinh của tâm mình tỏ được cái tính Phật của tâm mình. Muốn cầu thấy Phật chỉ cốt nhận biết chúng sinh, chỉ tại chúng sinh mê Phật chứ chẳng phải là Phật mê chúng sinh, nếu tỏ tự tính chúng sinh là Phật, nếu mê tự tính Phật là chúng sinh. Tự tính bình đẳng, chúng sinh là Phật tự tính là hiểm, Phật là chúng sinh. Nếu tâm các ông hiểm hóc tức là Phật ở trong chúng sinh, một niệm bằng phẳng tức là chúng sinh thành Phật. Tâm ta tự có Phật, Phật của ta mới là Phật thật. Nếu tự mình không có tâm Phật thì tìm Phật ở đâu ra. Tự tâm các ông là Phật đừng có nên hồ nghi gì nữa. Ngoài không một vật nào tự xây dựng bên cả, đều là do một bản tâm sinh ra muôn thứ Pháp. Cho nên kinh nói rằng: Tâm sinh thì bao pháp sinh ra, tâm diệt thì bao pháp diệt hết. Nay ta để lại một bài kệ để từ biệt các ông, bài kệ gọi là *Tự tính chân Phật kệ*. Người

đời sau đây nhận được ý bài kệ này, tự tỏ bản tâm, tự thành Phật đạo. Kệ rằng :

Chân như tự tính là chân Phật,

Tà kiến tam độc ma vương

Lúc bị tà mê ma trong xó

Khi thấy đạo chính Phật trong nhà.

Trong tính có tà kiến sinh ra tam độc, tức là lúc Ma vương lại đóng ở trong nhà. Khi thấy đạo chính tự nhiên trừ sạch ngay tam độc tức là ma biến thành Phật chân thực, không giả. Pháp thân, báo thân và hóa thân, ba thân nguyên lai là một thân. Nếu thấy ngay được ở trong tính tức là cái nhân Bồ Đề sẽ thành Phật, nguyên lai từ nơi hoá thân sinh ra tính thanh tịnh, cái tính thanh tịnh thường ở trong hoá thân. Chính tính khiến các hóa thân làm chính đạo, sau này viên mãn thực vô cùng. Cái tính dâm kia nguyên là cái nhân địa sinh ra cái tính thanh tịnh, trừ dâm tức là cái thân tự tính thanh tịnh. Trong tính thấy đều là ngũ dục, hề thấy tỏ tính thì chỉ trong một sát na tức là chân rồi. Kiếp này nếu được biết pháp môn Đốn giáo, bỗng tỏ tự tính thấy đức Thế Tôn. Nếu muốn tu hành, muốn thành Phật chẳng biết chỗ nào chân mà cầu thì thấy thế nào được. Nếu tự thấy được cái chân nó ở trong tâm, thì cái chân ấy nó tức là cái chân thành Phật. Chẳng thấy được tự tính mà đi tìm Phật ở ngoài, khởi tâm như thế là người cực si. Nay đã để lại cho cái pháp môn Đốn giáo để cứu độ cho người đời, nhưng người đời phải tự tu lấy mới được. Nhấn bảo ai người học đạo đời sau đây biết pháp Đốn giáo dùng lần nữa.

Đoạn Tổ lại nói :

- Thôi các ông ở lại tốt đẹp nhé ! Sau khi ta diệt độ rồi đừng có khóc lóc như thế tình, và nhận đồ phúng viếng, để tang để tóc nhé ! Nếu không thế thì chẳng phải là đệ tử của ta, cũng chẳng phải là chính pháp. Cứ nhận được bản tâm mình, thấy rõ bản tính mình, không động, không tĩnh, không sinh, không trái, không ở, không đi, những e tâm các ông còn mê' chẳng hiểu ý ta, nên nay lại dặn lại, khiến thấy tỏ tính. Sau khi ta diệt độ rồi, cứ y theo thế mà tu hành thì cũng như ta vẫn còn ở đời. Nếu trái lời ta dạy thì dù ta còn ở đời cũng không ích gì. Lại nói một bài kệ rằng :

*Thường thường tự tại ung dung,
Chẳng chi tu thiện cũng không ác hành.
Bất tâm không tiếng không hình,
Nhất tâm phẳng lặng không sinh tư hào.*

Tổ nói kệ xong, ngồi yên đến canh ba bỗng bảo các đệ tử rằng :

- Thôi ta đi đây!

Dứt lời thì hoá.

Lúc đó mùi thơm sực nức, cầu vồng trắng từ đất bắc ngang trời, cây rừng bạc trắng, chim muông kêu vang thảm thương.

Tháng Một, quan liêu ba quận Quảng, Thiều, Tân, và môn đồ Tăng, Tục tranh nhau đón rước chân thân. Mọi người không biết rước về đâu là phải, mới thấp hương khẩn rằng : "Khói hương bay về hướng nào thì xin Đại sư cho rước về hướng đó". Bấy giờ làn khói hương bay thẳng về Tào Khê.

Ngày 13 tháng Một, các đệ tử mới rước thân khám và y bát Tổ từ chùa Quốc Ân ở Tân Châu về chùa Bảo Lâm ở Tào Khê.

Ngày 25 tháng 7 năm sau (714) làm lễ mở khám. Đệ tử Phương Biện nhào đất sét thom trát vào. Các đệ tử nhớ lời Tổ bảo sẽ có sự ăn trộm đầu, mới dùng sắt rất mỏng bọc vải sơn trùn giữ lấy đầu vào cổ rồi nhập pháp. Bỗng thấy trong tháp có một luồng hào quang trắng bay ra chiếu thẳng lên trời ba ngày mới tan.

Thứ sử Thiều Châu viết biểu văn ghi hành trạng Lục Tổ tâu về triều. Vua Đường Huyền Tông sắc sai dựng bia ghi đạo hạnh của Tổ để lưu truyền hậu thế.

Năm Tổ tịch, thọ 76 tuổi (638 – 713). Năm 24 tuổi được Ngũ Tổ Hoàng Nhãn truyền y bát. 39 tuổi thế phát thụ giới, thuyết pháp lợi lạc quần sinh 37 năm, số đệ tử hiểu được tôn chỉ, nối được pháp Tổ cộng tất cả là 43 người. Còn những bậc ngộ đạo siêu phàm thì không kể xiết. Tấm áo Tổ Đạt Ma trao cho và áo ma nạp, bát thủy tinh của vua Trung Tông ban cho cùng bức tượng của ngài Phương Biện đắp đều giao cho thị giả coi tháp trông nom, mà lưu ở chùa Bảo Lâm mãi mãi. Lại lưu truyền kinh Bảo Đàn ra để cho tỏ rõ tôn chỉ, đó đều là pháp bảo làm cho Tam Bảo hưng long, quần sinh lợi lạc cả.

Dịch xong ngày 15 tháng 12 năm 1950

THIỆU CHÙU

TIỂU SỬ NHÀ VĂN HOÁ - CƯ SĨ THIỀU CHỦU

Người đã hiến trọn đời mình cho Phật sự và nhân dân

Cư sĩ Thiều Chửu tên là Nguyễn Hữu Kha, sinh năm 1902 ở làng Trung Tự, phường Đông Tác, Hà Nội. Thân phụ là Nguyễn Hữu Cầu, tục gọi cụ Cử Đông Tác, tham gia Đông Kinh nghĩa thực và phong trào Đông Du, bị Pháp lưu đày Côn Đảo 5 năm. Xuất thân từ nhà nho nghèo, ông phải vất vả lao động từ nhỏ, nhờ bà nội là một người mộ đạo Phật và biết chữ Hán dạy dỗ, được bác ruột hiềm con kèm cặp, lại vốn sáng dạ và rất chăm học nên ông đã sớm có được một căn bản Hán học. Với quyết tâm vừa làm vừa học, dần dần ông đã có một vốn kiến thức văn hoá lớn và hiểu ngày càng sâu về Tam giáo và thông thạo các tiếng thứ Anh, Pháp và Nhật.

Năm 19 tuổi (1920), ông đi tham thiền văn đạo một số danh tăng các nơi và từ đó ngày càng đi sâu hẳn về đạo Phật. Năm 26 tuổi ông bắt đầu dịch kinh Phật và năm 1932 - 1933 đã ấn hành bản dịch "Khoá Hư lục" của Trần Thái Tông, thể hiện tinh thần dân tộc sâu sắc trong nghiên cứu và hoàng dương Phật pháp.

Năm 1934, Hội Phật giáo Bắc Kỳ thành lập, ông nhận lời giúp Hội quản lý báo Đuốc Tuệ mà ông là "một cây bút vững chãi và sâu sắc". Ông đã dịch nhiều kinh sách và viết nhiều bài nghiên cứu khảo luận về Phật học.

Năm 1936, ông đề nghị Hội xây dựng lại chùa Quán Sứ đã đổ nát. Hội tin tưởng giao cho ông trông coi việc thi công. Mặc dù đang bận nhiều việc, ông vẫn hoan hỉ nhận nhiệm vụ nặng nề đó, và

sau vài năm ngôi chùa nguy nga đã xây dựng xong, nay là trụ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Cũng năm đó ông đã cùng cụ Hoàng Thị Uyển (tức cụ Cả Mọc) một nhà từ thiện rất đức độ lập Hội Tế sinh với Ban Trị sự gồm nhiều trí thức hăng hái như Hoàng Đạo Thuý, Trần Duy Hưng... ông làm Tổng thư ký. Do hoạt động có kết quả, uy tín của Hội ngày một lớn. Đáng kể là việc Ban Trị sự lặn lội suốt ba tháng đã cứu tế cho đồng bào 2 tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang bị lụt do vỡ đê năm 1937. Và trước nạn đói khủng khiếp năm 1945, Hội đã cứu đói cho rất nhiều đồng bào.

Năm 1938, ông cùng các ông Nguyễn Văn Tố, Phan Thanh... thành lập Hội Truyền bá quốc ngữ và bản thân ông đã tích cực mở nhiều lớp học.

Năm 1941, Hội Phật giáo Bắc kỳ uỷ cho ông lập trường Phổ Quang để giáo dục Tăng Ni và Phật tử. Ông vừa dạy chữ Hán vừa giảng kinh Phật. Nhiều người học đã trở thành những vị chân tu uy tín, tiêu biểu như Hoà thượng Thích Tâm Tịch, Hoà thượng Thích Thanh Kiểm và Hoà thượng Thích Tâm Thông, đương kim Pháp Chủ và Phó Pháp Chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ni giới như Ni Sư Thích Đàm ánh chùa Phụng Thánh, Hà Nội v.v...

Ông cũng mở một số trường vừa học vừa làm giúp các thanh thiếu niên nghèo theo học. Nhiều người đã trưởng thành và tích cực tham gia kháng chiến, một số đi bộ đội, sau đó trở thành cán bộ cấp cao, một số đã hy sinh trong hai cuộc kháng chiến.

Tháng 12 năm 1946 cuộc kháng chiến bùng nổ, ông cùng một số Tăng Ni đưa trẻ mồ côi đi tản cư kháng chiến. Trong mọi hoàn cảnh khó khăn ông vẫn kiên trì mở lớp giảng dạy cho Tăng Ni, Phật tử.

Đồng thời tổ chức các lớp bình dân học vụ góp phần xoá nạn mù chữ cho nhiều người ở địa phương. Với đức hạnh chuẩn mực, ông đã cảm hoá được mọi người, vượt qua mọi khó khăn thử thách, tăng gia sản xuất để tự nuôi sống và phục vụ kháng chiến.

Trong những việc lớn của đời ông, có một sự nghiệp rất quý, đó là sự nghiệp văn hoá và hoằng dương Phật pháp. Trước hết, phải nói đến việc ông vừa viết bài vừa làm các việc chung của toà soạn, làm cho báo *Đức Tuệ* trở thành một tờ báo đã góp phần làm sáng rõ giáo lý đạo Phật, cổ súy phong trào Chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc trong nhiều năm.

Phần lớn các trước tác và bản dịch kinh Phật của ông góp phần làm giàu thêm cho thư tịch của đất nước và đến nay nhiều kinh, sách vẫn được dùng để các Tăng Ni, Phật tử trì tụng và học tập. Ngoài các sách phổ thông nhằm nâng cao dân trí như: *Lịch sử phổ thông*, *Cách trí phổ thông*... Ông đã dịch nhiều kinh Phật (cho đến nay thống kê chưa đầy đủ điểm được trên 20 bộ kinh của ông đã dịch và biên soạn) nằm trong một số kinh căn bản của đạo Phật. Các bản dịch kinh thường kèm theo lời giải của các Thiền sư nổi tiếng hoặc lời chú giải và bàn góp của ông, giúp rất nhiều cho người học Phật. Sách về Phật học do ông viết cũng khá nhiều như: *Sự tích Phật Tổ diễn ca*, *Phật học cương yếu*, *Con đường học Phật ở thế kỷ 20* ... Một thành tựu nữa của ông là bộ *Hán Việt tự điển* đã được nhiều người học Hán văn, nghiên cứu Phật học hoan nghênh và cho đến nay đã được tái bản nhiều lần.

Tại Thái Nguyên, ông mất ngày 16 tháng 6 năm Giáp Ngọ (1954) với 52 tuổi đời và hơn 30 năm phục vụ Phật sự. Cuộc đời của cư sĩ Thiều Chửu Nguyễn Hữu Kha là cuộc đời của một nhà

văn hoá, một Phật tử chân chính đã phát huy cao độ lý tưởng hoàng pháp lợi sinh, toàn tâm toàn ý, hiến trọn đời mình cho Phật sự và nhân dân, có công lớn trong việc chấn hưng Phật giáo mà truyền thống gắn bó chặt chẽ với lợi ích dân tộc đã có từ nhiều thế kỷ nay.

(Báo Giác Ngộ số 157 ra ngày 7/8/1999)

TRẦN VIỆT QUANG VÀ NGUYỄN HẢI TRÙNG

LỤC TỔ ĐÀN KINH

Nguyện đem công đức cúng dàng Pháp bảo này.

HỒI HƯỚNG

Chân linh Tôn sư Thiệu Chủ Nguyễn Hữu Kha.

Cung nguyện chân linh Tôn sư :

Cao đẳng Phật quốc

Thượng phẩm liên đài

Bát nhã hoa khai

Nhập bất hoá chuyển.

PHỤC NGUYỆN

Thất tổ cứu huyền

Sư tăng phụ mẫu

Đa thế tiền sinh

Siêu sinh tịnh độ

Pháp giới hữu tình

Cùng hưởng phúc lành

Hoà bình an lạc

Đệ tử Tỷ Khiêu Ni Thích Đàm Ánh

Kính bái

MỤC LỤC

Phát nguyện qui y	5
Nguyên do tu hành	10
Phẩm Bát nhã	24
Phẩm Nghi vấn	34
Phẩm Định tuệ	39
Phẩm Toạ thiền	43
Phẩm Sám hối	44
Phẩm Cơ duyên	52
Phẩm Đốn tiệm	72
Phẩm Hộ pháp	82
Phẩm Phó chúc	85
Tiểu sử Nhà văn hoá - Cư sĩ Thiếu Chừu	98

LỤC TỔ ĐÀN KINH

Biên dịch : Thiệu Chửu

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

10 Chu Văn An – Hà Nội - ĐT: 08048106-08048312, FAX (84).08048240

Chịu trách nhiệm xuất bản

THIỆU QUANG THẮNG

Chịu trách nhiệm bản thảo

PHẠM NGỌC HẬU

Biên tập

ĐỖ THỊ QUỲNH

Sửa bản in

ĐỖ THỊ QUỲNH

Bìa

NGUYỄN ĐẠI ĐỒNG

Trình bày

NGUYỄN ĐẠI ĐỒNG

Hậu duệ của Thiệu Chửu giữ bản quyền. Mọi chi tiết xin liên hệ với Công ty Cổ phần Đồng Tác - Nguyễn Đại Đồng ĐT: 04 8329414 - 5113040 - 5116366, fax: 5113040

Số lượng in : 500 bản, khổ 14,5 x 20,5 cm. Tại Công ty In Thương Mại - Giấy phép xuất bản số : 55-348/XB-QLXB ngày 28.3.2002. In xong và nộp lưu chiểu : Quý I năm 2003



0717479



10.